

Nghệ An, ngày 5. tháng 5. năm 2026

**BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH**

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng số 36/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/04/2024)

**I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

1. Tên tổ chức phát hành (đầy đủ): NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á
  2. Địa chỉ trụ sở chính: 117 Đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
  3. Điện thoại: 02383.844277 Fax: 02383.841757 Website: www.baca-bank.vn
  4. Vốn điều lệ: 10.721.402.010.000 (Mười nghìn bảy trăm hai mươi một tỷ, bốn trăm linh hai triệu, không trăm mười nghìn) Việt Nam đồng
  5. Mã cổ phiếu (nếu có): BAB
  6. Nơi mở tài khoản thanh toán: Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Số tài khoản: 119962

7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 2900325526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 10/10/1995, cấp thay đổi lần thứ 38 ngày 27/02/2024

- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động trung gian tiền tệ khác. Mã ngành: 6419

Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh tiền tệ và các hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (xác nhận thay đổi nội dung ngành nghề kinh doanh) của Ngân hàng TMCP Bắc Á (BAC A BANK) phù hợp với các quy định của pháp luật

- Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
- Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
  - ✓ Cho vay;
  - ✓ Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
  - ✓ Bảo lãnh ngân hàng;
  - ✓ Phát hành thẻ tín dụng;
  - ✓ Bao thanh toán trong nước;
  - ✓ Thư tín dụng.
- Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;
- Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước;

- ✓ Cung ứng phương tiện thanh toán;
- ✓ Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
- Mở tài khoản:
  - ✓ Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
  - ✓ Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
- Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
- Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
- Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng.
- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
- Dịch vụ môi giới tiền tệ.
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
- Ví điện tử.
- Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.
- Mua nợ.
- BAC A BANK thực hiện các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Giấy phép thành lập và hoạt động số: 47/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp đổi ngày 16/04/2019 và các Quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung vốn điều lệ của BAC A BANK qua từng thời kỳ.

## II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN ĐÃ ĐƯỢC CẤP

Phương án phát hành Trái phiếu ra công chúng lần 2 được HĐQT BAC A BANK phê duyệt theo Nghị quyết số 141/2023/NQ-HĐQT ngày 30/11/2023 và được UBCKNN chấp thuận theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng số 36/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/04/2024. Theo đó, số lượng trái phiếu và các đợt phát hành đã được phê duyệt như sau:

| Đợt   | Số lượng trái phiếu | Giá trị trái phiếu | Thời điểm phát hành dự kiến |
|-------|---------------------|--------------------|-----------------------------|
| Đợt 1 | 20.000.000          | 2.000 tỷ đồng      | Từ Quý I - Quý II/2024      |
| Đợt 2 | 15.000.000          | 1.500 tỷ đồng      | Quý IV/2024                 |
| Đợt 3 | 15.000.000          | 1.500 tỷ đồng      | Quý II/2025                 |
| Đợt 4 | 15.000.000          | 1.500 tỷ đồng      | Quý IV/2025                 |
| Đợt 5 | 15.000.000          | 1.500 tỷ đồng      | Quý II/2026                 |
| Đợt 6 | 10.000.000          | 1.000 tỷ đồng      | Quý IV/2026                 |

- Tổng giá trị phát hành dự kiến là 9.000 tỷ đồng, tương ứng với 2 nhóm kỳ hạn như sau:
  - Kỳ hạn tối đa 07 năm (nhóm trái phiếu có ký hiệu cuối là 07L và 07C): giá trị phát hành dự kiến là 7.000 tỷ đồng.
  - Kỳ hạn tối đa 08 năm (nhóm trái phiếu có ký hiệu cuối là 08C): giá trị phát hành dự kiến là 2.000 tỷ đồng.
- **Phát hành từ Đợt 2:** Tổng Giám đốc (TGD) hoặc Người được TGD ủy quyền quyết định số nhóm Trái Phiếu và số lượng phát hành của các nhóm Trái phiếu theo từng đợt, quyết định kỳ hạn phát hành, điều chỉnh số lượng trái phiếu phát hành của mỗi nhóm trái phiếu theo từng kỳ hạn và từng đợt tương ứng (nếu có).
- Trường hợp số lượng Trái Phiếu phân phối của từng đợt chưa chào bán hết theo dự kiến thì số lượng Trái Phiếu còn lại chưa chào bán hết sẽ được chuyển sang đợt tiếp theo.
- Tổng Giám đốc (TGD) hoặc Người được TGD ủy quyền quyết định thời gian phát hành, điều chỉnh số đợt phát hành, điều chỉnh số lượng phát hành và thời gian phát hành (nếu có) của từng đợt theo tùy vào điều kiện thị trường, đảm bảo không vượt quá tổng số lượng dự kiến phát hành.

BAC A BANK đã thực hiện phát hành trái phiếu Đợt 3 cụ thể như sau:

- Số lượng trái phiếu được phép phát hành Đợt 3: 15.000.000 trái phiếu
- Số lượng trái phiếu đã phát hành Đợt 3: 15.000.000 trái phiếu
- Số lượng trái phiếu còn lại chưa phát hành Đợt 3: 0 trái phiếu

BAC A BANK dự kiến triển khai việc phát hành Đợt 4 theo phương án đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

- Tổng số lượng trái phiếu dự kiến phát hành Đợt 4: 15.000.000 trái phiếu
  - Trái Phiếu BAB204-07L: 10.000.000 trái phiếu
  - Trái Phiếu BAB204-07C: 5.000.000 trái phiếu
- Lãi suất trái phiếu Đợt 4:
  - Trái Phiếu BAB204-07L: Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + Biên độ tối đa 3,0%/năm.
  - Trái Phiếu BAB204-07C: Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + Biên độ tối đa 3,0%/năm.

Biên lãi suất cụ thể được công bố trong Bản Thông báo chào bán Trái phiếu Ngân hàng TMCP Bắc Á phát hành ra công chúng lần 2 (Đợt 4).

Trường hợp Tổ Chức Phát Hành không thực hiện quyền mua lại tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại tương ứng của mỗi trái phiếu, lãi suất trái phiếu áp dụng cho Kỳ Tính Lãi kể từ năm thứ 6 đến khi đáo hạn trái phiếu như sau:

- Trái Phiếu BAB204-07L: Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + 3,0%/năm.
- Trái Phiếu BAB204-07C: Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + 3,1%/năm.

Trong đó, **“Lãi Suất Tham Chiếu”**: dùng để xác định lãi suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi, là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân thông thường bằng đồng Việt Nam, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của Ngân hàng TMCP Bắc Á tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Trong trường hợp có các lãi suất ưu đãi cho một hoặc một số đối tượng khách hàng cụ thể hoặc cho một hoặc một số mức tiền gửi cụ thể, Lãi Suất Tham Chiếu là mức lãi suất cao nhất được công bố.

Tổ Chức Phát hành sẽ công bố trên trang thông tin điện tử (website) về kết quả xác định Lãi Suất cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu vào trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi ít nhất 01 (một) Ngày Làm Việc. Những Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý và cam kết rằng kết quả xác định Lãi Suất Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành sẽ được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu trừ khi có sai sót về số học một cách rõ ràng.

Nếu pháp luật quy định cụ thể mức lãi suất Trái Phiếu tối đa và mức lãi suất Trái Phiếu thỏa thuận tại Bản cáo bạch này cao hơn mức lãi suất tối đa, thì mức lãi suất Trái Phiếu tối đa được phép theo quy định của pháp luật sẽ được áp dụng kể từ ngày quy định đó có hiệu lực.

**Ngày Xác Định Lãi Suất** đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.

- Phương thức phát hành Đợt 4: BAC A BANK phân phối và bán Trái phiếu trực tiếp cho các nhà đầu tư thông qua Trụ sở chính và các Chi Nhánh/Phòng giao dịch của BAC A BANK trên toàn quốc.
- Ngày phát hành dự kiến Đợt 4: từ Quý 2/2026 (sau khi được UBCKNN chấp thuận).

### III. KẾT QUẢ CÁC ĐỢT CHÀO BÁN TRƯỚC (ghi theo từng đợt)

- Đợt 1:
  - Số lượng chứng khoán đã phát hành Đợt 1: 20.000.000 trái phiếu
  - Ngày kết thúc đợt chào bán Đợt 1: 17/06/2024

- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 2.000.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai nghìn tỷ đồng)
  - Phương thức phát hành Đợt 1: BAC A BANK phân phối và bán Trái phiếu trực tiếp cho các nhà đầu tư thông qua Trụ sở chính và các Chi Nhánh/Phòng giao dịch của BAC A BANK trên toàn quốc.
  - Tình hình sử dụng vốn Đợt 1: Tổng giá trị trái phiếu BAC A BANK đã phát hành trong Đợt 1 là 2.000 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 31/07/2024, BAC A BANK đã sử dụng hết 2.000 tỷ đồng giá trị trái phiếu phát hành Đợt 1 để bổ sung vốn cho vay dành cho Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, phù hợp với mục đích phát hành đã được Hội đồng quản trị thông qua.
- Đợt 2:
- Số lượng chứng khoán đã phát hành Đợt 2: 15.000.000 trái phiếu
  - Ngày kết thúc đợt chào bán Đợt 2: 28/10/2024
  - Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 1.500.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn năm trăm tỷ đồng)
  - Phương thức phát hành Đợt 2: BAC A BANK phân phối và bán Trái phiếu trực tiếp cho các nhà đầu tư thông qua Trụ sở chính và các Chi Nhánh/Phòng giao dịch của BAC A BANK trên toàn quốc.
  - Tình hình sử dụng vốn Đợt 2: Tổng giá trị trái phiếu BAC A BANK đã phát hành trong Đợt 2 là 1.500 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 30/11/2024, BAC A BANK đã sử dụng hết 1.500 tỷ đồng giá trị trái phiếu phát hành Đợt 2 để bổ sung vốn cho vay dành cho Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, phù hợp với mục đích phát hành đã được Hội đồng quản trị thông qua.
- Đợt 3:
- Số lượng chứng khoán đã phát hành Đợt 3: 15.000.000 trái phiếu
  - Ngày kết thúc đợt chào bán Đợt 3: 25/08/2025
  - Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 1.500.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn năm trăm tỷ đồng)
  - Phương thức phát hành Đợt 3: BAC A BANK phân phối và bán Trái phiếu trực tiếp cho các nhà đầu tư thông qua Trụ sở chính và các Chi Nhánh/Phòng giao dịch của BAC A BANK trên toàn quốc.
  - Tình hình sử dụng vốn Đợt 3: Tổng giá trị trái phiếu BAC A BANK đã phát hành trong Đợt 2 là 1.500 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 23/10/2025, BAC A BANK đã sử dụng hết 1.500 tỷ đồng giá trị trái phiếu phát hành Đợt 3 để bổ sung vốn cho vay dành cho Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, phù hợp với mục đích phát hành đã được Hội đồng quản trị thông qua.

**IV. NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI TRONG BẢN CÁO BẠCH** (cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng 36/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/04/2024)

## **1. THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

**1.1. Tỷ lệ từng loại sản phẩm dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận trong 02 năm liên tục 2024-2025 và 3 tháng đầu năm 2026**

Các sản phẩm dịch vụ cốt lõi và truyền thống của ngân hàng như: cho vay khách hàng, hoạt động dịch vụ (bao gồm dịch vụ thanh toán, đại lý, ngân quỹ, bảo hiểm và khác); kinh doanh ngoại hối; mua bán chứng khoán đầu tư... là các sản phẩm dịch vụ đóng góp chủ yếu trong cơ cấu tổng doanh thu và thu nhập thuần của BAC A BANK.

Chi tiết tỷ lệ từng loại sản phẩm dịch vụ (SPDV) trong tổng doanh thu và tổng thu nhập thuần của BAC A BANK trong 02 năm 2024-2025 và 3 tháng đầu năm 2026, cụ thể như sau:

**Bảng 1: Tỷ lệ các SPDV trong Tổng Doanh Thu (Hợp nhất)**

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu                                       | Năm 2024      |                | Năm 2025      |                | Quý 1/2026   |                |
|--|---------------|----------------|---------------|----------------|--------------|----------------|
|  | Giá trị       | Tỷ trọng (%)   | Giá trị       | Tỷ trọng (%)   | Giá trị      | Tỷ trọng (%)   |
| Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự | 11.812        | 93,62%         | 13.557        | 94,24%         | 3.823        | 95,27%         |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ                  | 150           | 1,19%          | 240           | 1,67%          | 36           | 0,90%          |
| Thu nhập từ HĐKD ngoại hối                     | 301           | 2,39%          | 215           | 1,49%          | 149          | 3,71%          |
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh     | 0             | 0,00%          | 0             | 0,00%          | 0            | 0,00%          |
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư         | 314           | 2,49%          | 196           | 1,36%          | 4            | 0,10%          |
| Thu nhập từ hoạt động khác                     | 27            | 0,21%          | 124           | 0,86%          | 1            | 0,02%          |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần               | 13            | 0,10%          | 54            | 0,38%          | 0            | 0,00%          |
| <b>Tổng cộng</b>                               | <b>12.617</b> | <b>100,00%</b> | <b>14.386</b> | <b>100,00%</b> | <b>4.013</b> | <b>100,00%</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (hợp nhất)

**Bảng 2: Tỷ lệ các SPDV trong Tổng Doanh Thu (Riêng lẻ)***Đơn vị: tỷ đồng*

| Chỉ tiêu                                       | Năm 2024      |                | Năm 2025      |                | Quý 1/2026   |                |
|--|---------------|----------------|---------------|----------------|--------------|----------------|
|  | Giá trị       | Tỷ trọng (%)   | Giá trị       | Tỷ trọng (%)   | Giá trị      | Tỷ trọng (%)   |
| Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự | 11.812        | 93,70%         | 13.557        | 94,34%         | 3.823        | 95,34%         |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ                  | 139           | 1,10%          | 224           | 1,56%          | 33           | 0,82%          |
| Thu nhập từ HĐKD ngoại hối                     | 301           | 2,39%          | 215           | 1,50%          | 149          | 3,72%          |
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh     | 0             | 0,00%          | 0             | 0,00%          | 0            | 0,00%          |
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư         | 314           | 2,49%          | 196           | 1,36%          | 4            | 0,10%          |
| Thu nhập từ hoạt động khác                     | 27            | 0,22%          | 124           | 0,86%          | 1            | 0,02%          |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần               | 13            | 0,10%          | 54            | 0,38%          | 0            | 0,00%          |
| <b>Tổng cộng</b>                               | <b>12.606</b> | <b>100,00%</b> | <b>14.370</b> | <b>100,00%</b> | <b>4.010</b> | <b>100,00%</b> |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (riêng lẻ)***Bảng 3: Tỷ lệ các SPDV trong Thu nhập thuần (Hợp nhất)***Đơn vị: tỷ đồng*

| Chỉ tiêu                       | Năm 2024 |              | Năm 2025 |              | Quý 1/2026 |              |
|--------------------------------|----------|--------------|----------|--------------|------------|--------------|
|                                | Giá trị  | Tỷ trọng (%) | Giá trị  | Tỷ trọng (%) | Giá trị    | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập lãi thuần             | 3.321    | 90,69%       | 3.447    | 85,41%       | 1.020      | 105,59%      |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 106      | 2,89%        | 181      | 4,48%        | 21         | 2,17%        |
| Lãi thuần từ HĐKD ngoại hối    | -68      | -1,86%       | 76       | 1,88%        | -74        | -7,66%       |

| Chỉ tiêu                                    | Năm 2024     |                | Năm 2025     |                | Quý 1/2026 |                |
|---|--------------|----------------|--------------|----------------|------------|----------------|
|   | Giá trị      | Tỷ trọng (%)   | Giá trị      | Tỷ trọng (%)   | Giá trị    | Tỷ trọng (%)   |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 0            | 0,00%          | 0            | 0,00%          | 0          | 0,00%          |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư     | 284          | 7,76%          | 179          | 4,44%          | -1         | -0,10%         |
| Lãi thuần từ hoạt động khác                 | 6            | 0,16%          | 99           | 2,45%          | 0          | 0,00%          |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần            | 13           | 0,36%          | 54           | 1,34%          | 0          | 0,00%          |
| <b>Tổng cộng</b>                            | <b>3.662</b> | <b>100,00%</b> | <b>4.036</b> | <b>100,00%</b> | <b>966</b> | <b>100,00%</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (hợp nhất)

**Bảng 4: Tỷ lệ các SPDV trong Thu nhập thuần (Riêng lẻ)**

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu                                    | Năm 2024     |                | Năm 2025     |                | Quý 1/2026 |                |
|---|--------------|----------------|--------------|----------------|------------|----------------|
|   | Giá trị      | Tỷ trọng (%)   | Giá trị      | Tỷ trọng (%)   | Giá trị    | Tỷ trọng (%)   |
| Thu nhập lãi thuần                          | 3.313        | 90,99%         | 3.439        | 85,74%         | 1.019      | 105,93%        |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ              | 93           | 2,55%          | 165          | 4,11%          | 18         | 1,87%          |
| Lãi thuần từ HĐKD ngoại hối                 | -68          | -1,87%         | 76           | 1,90%          | -74        | -7,70%         |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 0            | 0,00%          | 0            | 0,00%          | 0          | 0,00%          |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư     | 284          | 7,80%          | 179          | 4,46%          | -1         | -0,10%         |
| Lãi thuần từ hoạt động khác                 | 6            | 0,17%          | 99           | 2,47%          | 0          | 0,00%          |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần            | 13           | 0,36%          | 53           | 1,32%          | 0          | 0,00%          |
| <b>Tổng cộng</b>                            | <b>3.641</b> | <b>100,00%</b> | <b>4.011</b> | <b>100,00%</b> | <b>962</b> | <b>100,00%</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (riêng lẻ)

## 1.2. Huy động vốn

- Cơ cấu nguồn huy động

**Bảng 5: Nguồn vốn huy động (Hợp nhất)**

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu                          | 31/12/2024     |                | 31/12/2025     |                | 31/03/2026     |                |
|-----------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
|                                   | Giá trị        | Tỷ trọng (%)   | Giá trị        | Tỷ trọng (%)   | Giá trị        | Tỷ trọng (%)   |
| Tiền gửi của Khách hàng           | 122.550        | 81,44%         | 127.024        | 71,21%         | 127.458        | 72,64%         |
| Các khoản nợ CP và NHNN           | 8              | 0,01%          | 1.022          | 0,57%          | 1.188          | 0,68%          |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác     | 11.881         | 7,90%          | 25.357         | 14,22%         | 21.938         | 12,50%         |
| <i>Tiền gửi của các TCTD khác</i> | <i>11.776</i>  | <i>7,83%</i>   | <i>25.126</i>  | <i>14,09%</i>  | <i>21.666</i>  | <i>12,35%</i>  |
| <i>Tiền vay các TCTD khác</i>     | <i>105</i>     | <i>0,07%</i>   | <i>231</i>     | <i>0,13%</i>   | <i>272</i>     | <i>0,16%</i>   |
| Phát hành GTCG                    | 16.021         | 10,64%         | 24.900         | 13,96%         | 24.812         | 14,14%         |
| Vốn khác                          | 26             | 0,01%          | 64             | 0,04%          | 63             | 0,04%          |
| <b>Tổng cộng</b>                  | <b>150.486</b> | <b>100,00%</b> | <b>178.367</b> | <b>100,00%</b> | <b>175.459</b> | <b>100,00%</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (hợp nhất)

**Bảng 6: Nguồn vốn huy động (Riêng lẻ)**

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu                          | 31/12/2024    |              | 31/12/2025    |               | 31/03/2026    |               |
|-----------------------------------|---------------|--------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
|                                   | Giá trị       | Tỷ trọng (%) | Giá trị       | Tỷ trọng (%)  | Giá trị       | Tỷ trọng (%)  |
| Tiền gửi của Khách hàng           | 122.723       | 81,46%       | 127.190       | 71,24%        | 127.604       | 72,67%        |
| Các khoản nợ CP và NHNN           | 8             | 0,01%        | 1.022         | 0,57%         | 1.188         | 0,68%         |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác     | 11.881        | 7,89%        | 25.357        | 14,20%        | 21.938        | 12,49%        |
| <i>Tiền gửi của các TCTD khác</i> | <i>11.776</i> | <i>7,82%</i> | <i>25.126</i> | <i>14,07%</i> | <i>21.666</i> | <i>12,34%</i> |
| <i>Tiền vay các TCTD khác</i>     | <i>105</i>    | <i>0,07%</i> | <i>231</i>    | <i>0,13%</i>  | <i>272</i>    | <i>0,15%</i>  |
| Phát hành GTCG                    | 16.021        | 10,63%       | 24.900        | 13,95%        | 24.812        | 14,13%        |

| Chỉ tiêu         | 31/12/2024     |                | 31/12/2025     |                | 31/03/2026     |                |
|------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
|                  | Giá trị        | Tỷ trọng (%)   | Giá trị        | Tỷ trọng (%)   | Giá trị        | Tỷ trọng (%)   |
| Vốn khác         | 26             | 0,01%          | 64             | 0,04%          | 63             | 0,04%          |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>150.659</b> | <b>100,00%</b> | <b>178.533</b> | <b>100,00%</b> | <b>175.605</b> | <b>100,00%</b> |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (riêng lẻ)*

- Cơ cấu nguồn huy động trong và ngoài nước

**Bảng 7: Cơ cấu nguồn huy động trong và ngoài nước (Hợp nhất)**

*Đơn vị: tỷ đồng*

| Chỉ tiêu         | 31/12/2024     |                | 31/12/2025     |                | 31/03/2026     |                |
|------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
|                  | Giá trị        | Tỷ trọng (%)   | Giá trị        | Tỷ trọng (%)   | Giá trị        | Tỷ trọng (%)   |
| Trong nước       | 150.486        | 100,00%        | 178.367        | 100,00%        | 175.459        | 100,00%        |
| Ngoài nước       | 0              | 0%             | 0              | 0%             | 0              | 0%             |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>150.486</b> | <b>100,00%</b> | <b>178.367</b> | <b>100,00%</b> | <b>175.459</b> | <b>100,00%</b> |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (hợp nhất)*

**Bảng 8: Cơ cấu nguồn huy động trong và ngoài nước (Riêng lẻ)**

*Đơn vị: tỷ đồng*

| Chỉ tiêu         | 31/12/2024     |                | 31/12/2025     |                | 31/03/2026     |                |
|------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
|                  | Giá trị        | Tỷ trọng (%)   | Giá trị        | Tỷ trọng (%)   | Giá trị        | Tỷ trọng (%)   |
| Trong nước       | 150.659        | 100,00%        | 178.533        | 100,00%        | 175.605        | 100,00%        |
| Ngoài nước       | 0              | 0,00%          | 0              | 0,00%          | 0              | 0,00%          |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>150.659</b> | <b>100,00%</b> | <b>178.533</b> | <b>100,00%</b> | <b>175.605</b> | <b>100,00%</b> |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (riêng lẻ)*

Đối với hoạt động huy động vốn, Ngân Hàng luôn giữ được đà tăng trưởng quy mô huy động vốn thị trường 1 qua các năm. Trong đó, Ngân Hàng tập trung vào huy động khách hàng cá nhân là đối tượng có lượng tiền gửi ổn định, cơ cấu nguồn vốn theo hướng bền vững và cân

đối kỳ hạn nguồn vốn huy động với sử dụng vốn, duy trì hợp lý và đảm bảo an toàn thanh khoản. Trong cơ cấu vốn huy động riêng lẻ tại 31/03/2026, nguồn vốn từ tiền gửi khách hàng chiếm tỷ trọng cao lên tới 72,67% trên tổng vốn huy động, huy động từ tiền gửi và vay các TCTD khác chỉ chiếm 12,49%. Ngân Hàng cũng tăng cường thực hiện huy động vốn từ các kênh khác như phát hành giấy tờ có giá nhằm bổ sung nguồn vốn trung, dài hạn, đồng thời tận dụng được nguồn huy động giá rẻ và luôn đáp ứng được nhu cầu thanh khoản.

### 1.3. Hoạt động tín dụng

- Theo thời hạn:

**Bảng 9: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn của BAC A BANK (Hợp nhất)**

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu         | 31/12/2024     |                | 31/12/2025     |                | 31/03/2026     |                |
|------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
|                  | Giá trị        | Tỷ trọng (%)   | Giá trị        | Tỷ trọng (%)   | Giá trị        | Tỷ trọng (%)   |
| Nợ ngắn hạn      | 51.799         | 47,28%         | 53.998         | 42,72%         | 55.716         | 43,00%         |
| Nợ trung hạn     | 15.369         | 14,03%         | 26.353         | 20,85%         | 26.688         | 20,60%         |
| Nợ dài hạn       | 42.385         | 38,69%         | 46.054         | 36,43%         | 47.170         | 36,40%         |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>109.553</b> | <b>100,00%</b> | <b>126.405</b> | <b>100,00%</b> | <b>129.574</b> | <b>100,00%</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (hợp nhất)

**Bảng 10: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn của BAC A BANK (Riêng lẻ)**

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu         | 31/12/2024     |                | 31/12/2025     |                | 31/03/2026     |                |
|------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
|                  | Giá trị        | Tỷ trọng (%)   | Giá trị        | Tỷ trọng (%)   | Giá trị        | Tỷ trọng (%)   |
| Nợ ngắn hạn      | 51.799         | 47,28%         | 54.009         | 42,72%         | 55.716         | 43,00%         |
| Nợ trung hạn     | 15.369         | 14,03%         | 26.353         | 20,85%         | 26.688         | 20,60%         |
| Nợ dài hạn       | 42.385         | 38,69%         | 46.054         | 36,43%         | 47.170         | 36,40%         |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>109.553</b> | <b>100,00%</b> | <b>126.416</b> | <b>100,00%</b> | <b>129.574</b> | <b>100,00%</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (riêng lẻ)

- Theo nhóm nợ:

Nhờ chính sách tín dụng cân trọng, BAC A BANK luôn duy trì được tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp so với hệ thống ngân hàng và luôn đáp ứng được yêu cầu về tỷ lệ nợ xấu theo quy định của NHNN Việt Nam. Quý 1 Năm 2026, Ngân Hàng tiếp tục thực hiện xử lý các khoản nợ xấu

tồn đọng, cũng như tăng cường chất lượng tín dụng đầu ra nhằm hạn chế thấp nhất việc phát sinh thêm các tài sản xấu. Đến cuối năm 2025, tổng số nợ xấu của BAC A BANK ở mức 1.454 tỷ, tương đương với tỷ lệ nợ xấu chiếm 1,15%, giảm so với mức 1,24% tại 31/12/2024. Sang Quý 1 năm 2026, tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ lên 1,88% nhưng vẫn ở mức thấp so với toàn ngành.

**Bảng 11: Dư nợ cho vay theo chất lượng tín dụng của BAC A BANK (Hợp nhất)**

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu               | 31/12/2024     |                | 31/12/2025     |                | 31/03/2026     |                |
|------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
|                        | Giá trị        | Tỷ trọng (%)   | Giá trị        | Tỷ trọng (%)   | Giá trị        | Tỷ trọng (%)   |
| Nợ đủ tiêu chuẩn       | 107.805        | 98,40%         | 124.581        | 98,56%         | 126.559        | 97,67%         |
| Nợ cần chú ý           | 389            | 0,36%          | 370            | 0,29%          | 576            | 0,45%          |
| Nợ dưới tiêu chuẩn     | 194            | 0,18%          | 137            | 0,11%          | 931            | 0,72%          |
| Nợ nghi ngờ            | 271            | 0,25%          | 137            | 0,11%          | 297            | 0,23%          |
| Nợ có khả năng mất vốn | 894            | 0,82%          | 1.180          | 0,93%          | 1.211          | 0,93%          |
| <b>Tổng cộng</b>       | <b>109.553</b> | <b>100,00%</b> | <b>126.405</b> | <b>100,00%</b> | <b>129.573</b> | <b>100,00%</b> |
| Nợ xấu                 | 1.359          | 1,24%          | 1.454          | 1,15%          | 2.439          | 1,88%          |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (hợp nhất)

**Bảng 12: Dư nợ cho vay theo chất lượng tín dụng của BAC A BANK (Riêng lẻ)**

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu               | 31/12/2024     |                | 31/12/2025     |                | 31/03/2026     |                |
|------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
|                        | Giá trị        | Tỷ trọng (%)   | Giá trị        | Tỷ trọng (%)   | Giá trị        | Tỷ trọng (%)   |
| Nợ đủ tiêu chuẩn       | 107.805        | 98,40%         | 124.592        | 98,56%         | 126.559        | 97,67%         |
| Nợ cần chú ý           | 389            | 0,36%          | 370            | 0,29%          | 576            | 0,45%          |
| Nợ dưới tiêu chuẩn     | 194            | 0,18%          | 137            | 0,11%          | 931            | 0,72%          |
| Nợ nghi ngờ            | 271            | 0,25%          | 137            | 0,11%          | 297            | 0,23%          |
| Nợ có khả năng mất vốn | 894            | 0,82%          | 1.180          | 0,93%          | 1.211          | 0,93%          |
| <b>Tổng cộng</b>       | <b>109.553</b> | <b>100,00%</b> | <b>126.416</b> | <b>100,00%</b> | <b>129.573</b> | <b>100,00%</b> |

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 |              | 31/12/2025 |              | 31/03/2026 |              |
|----------|------------|--------------|------------|--------------|------------|--------------|
|          | Giá trị    | Tỷ trọng (%) | Giá trị    | Tỷ trọng (%) | Giá trị    | Tỷ trọng (%) |
| Nợ xấu   | 1.359      | 1,24%        | 1.454      | 1,15%        | 2.439      | 1,88%        |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (riêng lẻ)

#### Tỷ lệ an toàn vốn (CAR):

BAC A BANK luôn bảo đảm và đáp ứng các nguyên tắc về quản trị rủi ro, cũng như tuân thủ đúng các quy định của NHNN về tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động và tỷ lệ an toàn vốn.

**Bảng 13: Tỷ lệ an toàn vốn của BAC A BANK**

| Chỉ tiêu                           | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/03/2026 |
|------------------------------------|------------|------------|------------|
| Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) – Hợp nhất | 11,19%     | 10,10%     | 10,19%     |
| Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) – Riêng lẻ | 11,10%     | 10,02%     | 10,12%     |

Nguồn: BAC A BANK

**Bảng 14: Số dư quỹ DPRR cho vay khách hàng của BAC A BANK**

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu         | Hợp nhất     |              |              | Riêng lẻ     |              |              |
|------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
|                  | 31/12/2024   | 31/12/2025   | 31/03/2026   | 31/12/2024   | 31/12/2025   | 31/03/2026   |
| Dự phòng chung   | 815          | 939          | 962          | 815          | 939          | 962          |
| Dự phòng cụ thể  | 509          | 625          | 695          | 509          | 625          | 695          |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>1.324</b> | <b>1.564</b> | <b>1.657</b> | <b>1.324</b> | <b>1.564</b> | <b>1.657</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (riêng lẻ và hợp nhất)

### 1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán

#### a. Hoạt động kinh doanh ngoại hối

BAC A BANK đang triển khai thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế. Hoạt động thanh toán tín dụng thư xuất nhập khẩu và công tác chuyển tiền còn chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu hoạt động của BAC A BANK. Cùng với sự phát triển về quy mô, mạng lưới hoạt động, hạ tầng công nghệ và chất lượng nhân sự,... đến nay BAC A BANK đã và đang cung cấp đầy đủ và đa dạng các sản phẩm cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp như thanh toán quốc tế, chuyển đổi ngoại tệ.

**Bảng 15: Kết quả HĐKD ngoại tệ**

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu                              | Năm 2024 | Năm 2025 | Quý 1/2026 |
|---------------------------------------|----------|----------|------------|
| Lãi thuần từ HĐKD ngoại tệ (Hợp nhất) | -68      | 76       | -74        |
| Lãi thuần từ HĐKD ngoại tệ (Riêng lẻ) | -68      | 76       | -74        |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (hợp nhất và riêng lẻ)*

Mối quan hệ với khách hàng truyền thống được BAC A BANK duy trì và quan tâm phát triển, bên cạnh việc tìm kiếm khách hàng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như quảng cáo, băng rôn, tờ rơi, internet... và liên hệ giới thiệu dịch vụ cho khách hàng. Các điểm giao dịch cũng không ngừng tăng cường khai thác tiềm năng, mở rộng thị phần thanh toán của ngân hàng. BAC A BANK đã tổ chức bán các loại ngoại tệ cho hoạt động thanh toán của Ngân Hàng. Ngoài ra, tổ chức khai thác nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng để bổ sung nguồn vốn hoạt động của Ngân Hàng.

#### **b. Hoạt động thanh toán trong nước**

##### **Hoạt động thanh toán trong nước**

Công tác chuyên tiền trong toàn hệ thống nhanh, chính xác, hoạt động ngân quỹ an toàn, thu đúng, chi đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu tiền mặt cho khách hàng đã tạo được uy tín và góp phần nâng cao hình ảnh BAC A BANK. Cùng với việc nâng cao chất lượng phục vụ, chất lượng chuyên môn, BAC A BANK cũng đã mở rộng quy mô, mạng lưới hoạt động, nâng cấp hạ tầng công nghệ. Ngoài ra, do là thành viên của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng của NHNN nên thông qua BAC A BANK, khách hàng có thể chuyển tiền, thanh toán đến các địa phương cả nước trong thời gian ngắn nhất.

**Bảng 16: Kết quả hoạt động thanh toán trong nước**

| Chỉ tiêu                  | Số lượng giao dịch |          |            | Doanh số thanh toán<br>(Nghìn tỷ đồng) |          |            |
|---------------------------|--------------------|----------|------------|--|----------|------------|
|                           | Năm 2024           | Năm 2025 | Quý 1/2026 | Năm 2024                               | Năm 2025 | Quý 1/2026 |
| Giao dịch chuyển tiền đi  | 211.505            | 190.420  | 59.551     | 2.392                                  | 4.138    | 1.350      |
| Giao dịch chuyển tiền đến | 205.904            | 229.241  | 58.207     | 2.379                                  | 4.117    | 1.341      |

*Nguồn: BAC A BANK*

*Lưu ý: Kết quả trên chỉ bao gồm các giao dịch bằng đồng VNĐ thông qua 03 kênh thanh toán: Thanh toán điện tử liên Ngân hàng (Citad), Thanh toán liên ngân hàng song phương điện tử (BIDV), Thanh toán liên ngân hàng đa phương, đa tệ (VCB-Money) và không bao gồm các giao dịch quyết toán lô (Napas).*

##### **Hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại**

BAC A BANK luôn nỗ lực thúc đẩy phát triển thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại. Hết Quý 1 năm 2026, doanh số thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại của BAC A BANK đạt 73 triệu USD.

**Bảng 17: Kết quả hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại**

| Chỉ tiêu                  | Số lượng giao dịch |          |            | Doanh số thanh toán<br>(Triệu USD) |          |            |
|---------------------------|--------------------|----------|------------|------------------------------------|----------|------------|
|                           | Năm 2024           | Năm 2025 | Quý 1/2026 | Năm 2024                           | Năm 2025 | Quý 1/2026 |
| Giao dịch chuyển tiền đi  | 2.559              | 2.832    | 729        | 127                                | 108      | 27         |
| Giao dịch chuyển tiền đến | 1.131              | 1.120    | 354        | 63                                 | 186      | 46         |

Nguồn: BAC A BANK

### 1.5. Hoạt động đầu tư

Đề đa dạng cơ cấu tài sản có, đồng thời tăng nguồn thu và tính thanh khoản cho ngân hàng, BAC A BANK đã sử dụng hiệu quả nguồn vốn để đầu tư, mua bán trái phiếu Chính phủ, giấy tờ có giá của TCTD, TCKT... và các loại chứng khoán, giấy tờ có giá khác.

**Bảng 18A: Hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán (Hợp nhất)**

Đơn vị: tỷ đồng

| Đầu tư tài chính                                 | 31/12/2024    | 31/12/2025    | 31/03/2026    |
|--|---------------|---------------|---------------|
| Trái phiếu chính phủ                             | 3.696         | 3.542         | 3.240         |
| Chứng khoán nợ do TCTD khác trong nước phát hành | 27.502        | 29.828        | 28.035        |
| Chứng khoán nợ do TCKT trong nước phát hành      | 2.666         | 1.610         | 1.608         |
| Chứng khoán vốn                                  | 137           | 252           | 252           |
| <b>Tổng cộng</b>                                 | <b>34.001</b> | <b>35.232</b> | <b>33.135</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (hợp nhất)

**Bảng 18B: Hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán (Riêng lẻ)**

Đơn vị: tỷ đồng

| Đầu tư tài chính                                 | 31/12/2024    | 31/12/2025    | 31/03/2026    |
|--|---------------|---------------|---------------|
| Trái phiếu chính phủ                             | 3.696         | 3.542         | 3.240         |
| Chứng khoán nợ do TCTD khác trong nước phát hành | 27.502        | 29.828        | 28.035        |
| Chứng khoán nợ do TCKT trong nước phát hành      | 2.666         | 1.610         | 1.608         |
| Chứng khoán vốn                                  | 137           | 252           | 252           |
| <b>Tổng cộng</b>                                 | <b>34.001</b> | <b>35.232</b> | <b>33.135</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (riêng lẻ)

## 1.6. Tài sản

**Bảng 19: Tình hình các tài sản lớn thuộc sở hữu của BAC A BANK (Hợp nhất)**

Đơn vị: tỷ đồng

| Danh mục                      | 31/12/2024   |                 | 31/12/2025   |                 |
|-------------------------------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|
|                               | Nguyên giá   | Giá trị còn lại | Nguyên giá   | Giá trị còn lại |
| <b>TSCĐ hữu hình</b>          | <b>519</b>   | <b>172</b>      | <b>550</b>   | <b>168</b>      |
| Nhà cửa, vật kiến trúc        | 63           | 27              | 65           | 27              |
| Máy móc thiết bị              | 258          | 81              | 265          | 68              |
| Phương tiện vận tải           | 139          | 54              | 155          | 60              |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý     | 59           | 10              | 65           | 13              |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 0            | 0               | 0            | 0               |
| <b>TSCĐ vô hình</b>           | <b>1.013</b> | <b>887</b>      | <b>1.015</b> | <b>873</b>      |
| Quyền sử dụng đất             | 842          | 832             | 842          | 831             |
| Phần mềm máy vi tính          | 171          | 55              | 173          | 42              |
| TSCĐ vô hình khác             | 0            | 0               | 0            | 0               |
| <b>Tổng cộng</b>              | <b>1.532</b> | <b>1.059</b>    | <b>1.565</b> | <b>1.041</b>    |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 (hợp nhất)

**Bảng 20 (\*): Tình hình các tài sản lớn thuộc sở hữu của BAC A BANK (Riêng lẻ)**

Đơn vị: tỷ đồng

| Danh mục                      | 31/12/2024 |                 | 31/12/2025 |                 |
|-------------------------------|------------|-----------------|------------|-----------------|
|                               | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại |
| <b>TSCĐ hữu hình</b>          | <b>515</b> | <b>172</b>      | <b>546</b> | <b>168</b>      |
| Nhà cửa, vật kiến trúc        | 63         | 27              | 65         | 27              |
| Máy móc thiết bị              | 256        | 81              | 263        | 68              |
| Phương tiện vận tải           | 139        | 54              | 155        | 60              |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý     | 57         | 10              | 63         | 13              |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 0          | 0               | 0          | 0               |

| Danh mục             | 31/12/2024   |                 | 31/12/2025   |                 |
|----------------------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|
|                      | Nguyên giá   | Giá trị còn lại | Nguyên giá   | Giá trị còn lại |
| TSCĐ vô hình         | 1.009        | 887             | 1.011        | 873             |
| Quyền sử dụng đất    | 842          | 832             | 842          | 831             |
| Phẩm mềm máy vi tính | 167          | 55              | 169          | 42              |
| TSCĐ vô hình khác    | 0            | 0               | 0            | 0               |
| <b>Tổng cộng</b>     | <b>1.524</b> | <b>1.058</b>    | <b>1.557</b> | <b>1.041</b>    |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 (riêng lẻ)

(\*) Số liệu từ Bảng 1 đến Bảng 20 đã được cập nhật cho số liệu từ Bảng 6 đến Bảng 25 của Bản cáo bạch ngày 22/04/2024)

## 1.7. Kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và dự kiến kế hoạch

### 1.7.1. Kết quả kinh doanh

- Các chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh

#### Bảng 21: Kết quả hoạt động kinh doanh (Hợp nhất)

(cập nhật Bảng 35, trang 100 của Bản cáo bạch ngày 22/04/2024)

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu   | Năm 2024 | Năm 2025 | % tăng/giảm 2025/2024 | Quý 1/2026 |
|--|----------|----------|-----------------------|------------|
| Tổng tài sản   | 165.487  | 195.820  | 18,33%                | 193.570    |
| Vốn chủ sở hữu   | 11.782   | 13.309   | 12,96%                | 13.609     |
| Thu nhập lãi thuần   | 3.321    | 3.447    | 3,79%                 | 1.020      |
| Tổng thu nhập hoạt động  | 3.662    | 4.036    | 10,21%                | 966        |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 1.412    | 1.716    | 21,53%                | 471        |
| Lợi nhuận trước thuế   | 1.260    | 1.474    | 16,98%                | 378        |
| Lợi nhuận sau thuế   | 1.011    | 1.190    | 17,71%                | 300        |
| Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức của Công ty mẹ                            | 6,87%    | 7,50%    | 9,17%                 |            |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (hợp nhất)

(\*) Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến của Công ty mẹ năm 2025 đã được phê duyệt tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của BAC A BANK ngày 18/04/2026.

**Bảng 22: Kết quả hoạt động kinh doanh (Riêng lẻ)**  
(cập nhật Bảng 36, trang 101 của Bản cáo bạch ngày 22/04/2024)

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu   | Năm 2024 | Năm 2025 | % tăng/giảm<br>2025/2024 | Quý<br>1/2026 |
|--|----------|----------|--------------------------|---------------|
| Tổng tài sản   | 165.608  | 195.936  | 18,31%                   | 193.676       |
| Vốn chủ sở hữu   | 11.740   | 13.262   | 12,96%                   | 13.574        |
| Thu nhập lãi thuần   | 3.313    | 3.439    | 3,80%                    | 1.019         |
| Tổng thu nhập hoạt động  | 3.641    | 4.011    | 10,16%                   | 962           |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 1.397    | 1.710    | 22,41%                   | 483           |
| Lợi nhuận trước thuế   | 1.245    | 1.468    | 17,91%                   | 390           |
| Lợi nhuận sau thuế   | 999      | 1.186    | 18,72%                   | 312           |
| Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức của Công ty mẹ                            | 6,87%    | 7,50%    | 9,17%                    |               |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (riêng lẻ)

(\*) Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến của Công ty mẹ năm 2025 đã được phê duyệt tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của BAC A BANK ngày 18/04/2026.

• **Các chỉ tiêu khác**

**a. Tổng thu nhập hoạt động**

**Bảng 23: Tổng thu nhập hoạt động (Hợp nhất)**

(cập nhật Bảng 37, trang 102 của Bản cáo bạch ngày 22/04/2024)

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu                           | Năm 2024 | Năm 2025 | % tăng/giảm<br>2025/2024 | Quý<br>1/2026 |
|------------------------------------|----------|----------|--------------------------|---------------|
| Thu nhập lãi thuần                 | 3.321    | 3.447    | 3,79%                    | 1.020         |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ     | 106      | 181      | 70,75%                   | 21            |
| Lãi thuần từ HĐKD ngoại hối        | -68      | 76       | -211,76%                 | -74           |
| Lãi thuần từ mua bán CK kinh doanh | 0        | 0        | N/A                      | 0             |
| Lãi thuần từ mua bán CK đầu tư     | 284      | 179      | -36,97%                  | -1            |
| Lãi thuần từ hoạt động khác        | 6        | 99       | 1550,00%                 | 0             |

| Chỉ tiêu                         | Năm 2024     | Năm 2025     | % tăng/giảm<br>2025/2024 | Quý<br>1/2026 |
|----------------------------------|--------------|--------------|--------------------------|---------------|
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 13           | 54           | 315,38%                  | 0             |
| <b>Tổng cộng</b>                 | <b>3.662</b> | <b>4.036</b> | <b>10,21%</b>            | <b>966</b>    |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (hợp nhất)*

**Bảng 24: Tổng thu nhập hoạt động (Riêng lẻ)**

*(cập nhật Bảng 38, trang 102 của Bản cáo bạch ngày 22/04/2024)*

*Đơn vị: tỷ đồng*

| Chỉ tiêu                           | Năm 2024     | Năm 2025     | % tăng/giảm<br>2025/2024 | Quý<br>1/2026 |
|------------------------------------|--------------|--------------|--------------------------|---------------|
| Thu nhập lãi thuần                 | 3.313        | 3.439        | 3,80%                    | 1.019         |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ     | 93           | 165          | 77,42%                   | 18            |
| Lãi thuần từ HĐKD ngoại hối        | -68          | 76           | -211,76%                 | -74           |
| Lãi thuần từ mua bán CK kinh doanh | 0            | 0            | N/A                      | 0             |
| Lãi thuần từ mua bán CK đầu tư     | 284          | 179          | -36,97%                  | -1            |
| Lãi thuần từ hoạt động khác        | 6            | 99           | 1550,00%                 | 0             |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần   | 13           | 53           | 307,69%                  | 0             |
| <b>Tổng cộng</b>                   | <b>3.641</b> | <b>4.011</b> | <b>10,16%</b>            | <b>962</b>    |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (riêng lẻ)*

**b. Chi phí hoạt động**

**Bảng 25: Chi phí hoạt động (Hợp nhất)**

*(cập nhật Bảng 39, trang 103 của Bản cáo bạch ngày 22/04/2024)*

*Đơn vị: tỷ đồng*

| Chỉ tiêu                                 | Năm 2024 | Năm 2025 | %<br>tăng/giảm<br>2025/2024 | Quý<br>1/2026 |
|--|----------|----------|-----------------------------|---------------|
| Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí    | 9        | 11       | 22,22%                      | 8             |
| Chi phí nhân viên                        | 1.403    | 1.453    | 3,56%                       | 264           |
| Chi về tài sản                           | 269      | 301      | 11,90%                      | 81            |
| Chi cho hoạt động quản lý công vụ        | 31       | 32       | 3,23%                       | 5             |
| Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng | 172      | 188      | 9,30%                       | 48            |

|  |              |              |              |            |
|--|--------------|--------------|--------------|------------|
| Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | 2            | 1            | -50,00%      | 0          |
| Chi phí hoạt động khác                   | 363          | 334          | -8,24%       | 89         |
| <b>Tổng cộng</b>                         | <b>2.249</b> | <b>2.320</b> | <b>3,11%</b> | <b>495</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (hợp nhất)

**Bảng 26: Chi phí hoạt động (Riêng lẻ)**

(cập nhật Bảng 40, trang 104 của Bản cáo bạch ngày 22/04/2024)

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu                                 | Năm 2024     | Năm 2025     | %<br>tăng/giảm<br>2025/2024 | Quý<br>1/2026 |
|--|--------------|--------------|-----------------------------|---------------|
| Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí    | 9            | 11           | 22,22%                      | 6             |
| Chi phí nhân viên                        | 1.402        | 1.427        | 1,78%                       | 250           |
| Chi về tài sản                           | 268          | 301          | 12,31%                      | 81            |
| Chi cho hoạt động quản lý công vụ        | 31           | 32           | 3,23%                       | 5             |
| Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng | 172          | 188          | 9,30%                       | 49            |
| Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | 2            | 1            | -50,00%                     | 0             |
| Chi phí hoạt động khác                   | 360          | 341          | -5,28%                      | 88            |
| <b>Tổng cộng</b>                         | <b>2.244</b> | <b>2.301</b> | <b>2,54%</b>                | <b>479</b>    |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (riêng lẻ)

• **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập:**

Theo ý kiến của kiểm toán viên: Các Báo cáo tài chính (bao gồm các báo cáo hợp nhất và riêng lẻ) đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Ngân hàng, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tại thời điểm lập báo cáo tài chính (bao gồm các báo cáo hợp nhất và riêng lẻ).

**1.7.2. Tình hình tài chính**

• **Tình hình công nợ**

**Bảng 27: Tình hình công nợ (Hợp nhất)**

(cập nhật Bảng 41, trang 105 của Bản cáo bạch ngày 22/04/2024)

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu                           | Năm 2024     | Năm 2025     | %<br>tăng/giảm<br>2025/2024 | Quý 1/2026   |
|------------------------------------|--------------|--------------|-----------------------------|--------------|
| Các khoản phải thu                 | 300          | 542          | 80,67%                      | 737          |
| Các khoản lãi, phí phải thu        | 4.126        | 5.594        | 35,58%                      | 6.560        |
| Thuế TNDN hoãn lại phải thu        | 0            | 0            | N/A                         | 0            |
| Tài sản có khác                    | 71           | 136          | 91,55%                      | 122          |
| <b>Tổng</b>                        | <b>4.497</b> | <b>6.272</b> | <b>39,47%</b>               | <b>7.419</b> |
| Các khoản lãi, phí phải trả        | 2.456        | 3.390        | 38,03%                      | 3.827        |
| Các khoản phải trả và công nợ khác | 764          | 754          | -1,31%                      | 674          |
| <b>Tổng</b>                        | <b>3.220</b> | <b>4.144</b> | <b>28,70%</b>               | <b>4.501</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (hợp nhất)

#### Bảng 28: Tình hình công nợ (Riêng lẻ)

(cập nhật Bảng 42, trang 106 của Bản cáo bạch ngày 22/04/2024)

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu                           | Năm 2024     | Năm 2025     | %<br>tăng/giảm<br>2025/2024 | Quý 1/2026   |
|------------------------------------|--------------|--------------|-----------------------------|--------------|
| Các khoản phải thu                 | 299          | 539          | 80,27%                      | 736          |
| Các khoản lãi, phí phải thu        | 4.126        | 5.594        | 35,58%                      | 6.560        |
| Thuế TNDN hoãn lại phải thu        | 0            | 0            | N/A                         | 0            |
| Tài sản có khác                    | 71           | 121          | 70,42%                      | 107          |
| <b>Tổng</b>                        | <b>4.496</b> | <b>6.254</b> | <b>39,10%</b>               | <b>7.403</b> |
| Các khoản lãi, phí phải trả        | 2.459        | 3.393        | 37,98%                      | 3.829        |
| Các khoản phải trả và công nợ khác | 751          | 746          | -0,67%                      | 668          |
| <b>Tổng</b>                        | <b>3.210</b> | <b>4.139</b> | <b>28,94%</b>               | <b>4.497</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (riêng lẻ)

#### • Trái phiếu chưa đáo hạn

##### Bảng 29: Danh sách trái phiếu chưa đáo hạn tại 30/04/2026

(cập nhật Bảng 5, trang 44 của Bản cáo bạch ngày 22/04/2024)

Đơn vị giá trị: tỷ đồng

| STT                       | Mã Trái Phiếu  | Ngày phát hành | Giá trị mệnh giá đang lưu hành | Lãi suất (%/năm) | Kỳ hạn (năm) |
|---------------------------|--|----------------|--------------------------------|------------------|--------------|
| Tổng                      |  |                | 17.559,6                       |                  |              |
| Trái phiếu riêng lẻ       |  |                | 14.000                         |                  |              |
| I                         | Năm 2024<br>Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo và không phải nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành. |                |                                |                  |              |
| 1                         | BABL2427004  | 06/06/2024     | 1.000                          | 4,7              | 3 năm        |
| II                        | Năm 2025<br>Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo và không phải nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành. |                |                                |                  |              |
| 1                         | BAB12501   | 14/05/2025     | 1.000                          | 5,4              | 2 năm        |
| 2                         | BAB12502   | 15/05/2025     | 1.000                          | 5,4              | 2 năm        |
| 3                         | BAB12503   | 04/06/2025     | 1.000                          | 5,4              | 2 năm        |
| 4                         | BAB12504   | 05/08/2025     | 1.000                          | 5,5              | 3 năm        |
| 5                         | BAB12505   | 07/08/2025     | 1.200                          | 5,4              | 2 năm        |
| 6                         | BAB12506   | 19/08/2025     | 1.000                          | 5,8              | 3 năm        |
| 7                         | BAB12507   | 17/09/2025     | 1.000                          | 5,8              | 3 năm        |
| 8                         | BAB12508   | 13/11/2025     | 800                            | 6,7              | 3 năm        |
| 9                         | BAB12509   | 25/11/2025     | 1.000                          | 6,7              | 3 năm        |
| 10                        | BAB12510   | 02/12/2025     | 1.000                          | 6,5              | 3 năm        |
| 11                        | BAB12511   | 24/12/2025     | 1.000                          | 7,5              | 3 năm        |
| III                       | Năm 2026<br>Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo và không phải nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành. |                |                                |                  |              |
| 1                         | BAB12601   | 21/04/2026     | 2.000                          | 8,4              | 2 năm        |
| Trái phiếu công chúng (*) |  |                | 3.559,6                        |                  |              |
| I                         | Năm 2023   |                |                                |                  |              |

| STT        | Mã Trái Phiếu  | Ngày phát hành | Giá trị mệnh giá đang lưu hành | Lãi suất (%/năm)   | Kỳ hạn (năm) |
|------------|--|----------------|--------------------------------|--|--------------|
|            | <i>Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành.</i>                    |                |                                |  |              |
| 1          | BAB202203-08C  | 16/10/2023     | 59,6                           | Lãi suất tham chiếu + 1,6%<br>Từ năm thứ 6<br>Lãi suất tham chiếu + 3,6%     | 8 năm        |
| <b>II</b>  | <b>Năm 2024</b><br><i>Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành.</i> |                |                                |  |              |
| 1          | BAB201-07C   | 17/06/2024     | 600                            | Lãi Suất Tham Chiếu + 1,5%/năm<br>Từ năm thứ 6<br>Lãi suất tham chiếu + 3,1% | 7 năm        |
| 2          | BAB201-08C   | 17/06/2024     | 500                            | Lãi Suất Tham Chiếu + 1,9%/năm<br>Từ năm thứ 6<br>Lãi suất tham chiếu + 3,2% | 8 năm        |
| 3          | BAB202-07C   | 28/10/2024     | 600                            | Lãi Suất Tham Chiếu + 1,5%/năm<br>Từ năm thứ 6<br>Lãi suất tham chiếu + 3,1% | 7 năm        |
| 4          | BAB202-08C   | 28/10/2024     | 300                            | Lãi Suất Tham Chiếu + 1,9%/năm<br>Từ năm thứ 6<br>Lãi suất tham chiếu + 3,2% | 8 năm        |
| <b>III</b> | <b>Năm 2025</b><br><i>Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành.</i> |                |                                |  |              |
| 1          | BAB203-07L   | 25/08/2025     | 700                            | Lãi Suất Tham Chiếu + 1,1%/năm<br>Từ năm thứ 6<br>Lãi suất tham chiếu +      | 7 năm        |

| STT | Mã Trái Phiếu | Ngày phát hành | Giá trị mệnh giá đang lưu hành | Lãi suất (%/năm)   | Kỳ hạn (năm) |
|-----|---------------|----------------|--------------------------------|--|--------------|
|     |               |                |                                | 3,0%   |              |
| 2   | BAB203-07C    | 25/08/2025     | 800                            | Lãi Suất Tham Chiếu + 1,3%/năm<br>Từ năm thứ 6<br>Lãi suất tham chiếu + 3,1% | 7 năm        |

Nguồn: BAC A BANK

Ghi chú:

(\*) Lãi Suất Tham Chiếu đối với các mã Trái phiếu phát hành ra công chúng: “Lãi Suất Tham Chiếu”: dùng để xác định lãi suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi, là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân thông thường bằng đồng Việt Nam, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của Ngân hàng TMCP Bắc Á tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Trong trường hợp có các lãi suất ưu đãi cho một hoặc một số đối tượng khách hàng cụ thể hoặc cho một hoặc một số mức tiền gửi cụ thể, Lãi Suất Tham Chiếu là mức lãi suất cao nhất được công bố.

**Các khoản phải nộp theo luật định**

**Bảng 30: Các khoản phải nộp theo luật định (Hợp nhất)**

(cập nhật Bảng 43, trang 107 của Bản cáo bạch ngày 22/04/2024)

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu           | Số đã nộp trong kỳ |            |                       |            |
|--------------------|--------------------|------------|-----------------------|------------|
|                    | Năm 2024           | Năm 2025   | % tăng/giảm 2025/2024 | Quý 1/2026 |
| Thuế GTGT          | 17                 | 21         | 23,53%                | 11         |
| Thuế TNDN          | 262                | 248        | -5,34%                | 122        |
| Các loại thuế khác | 142                | 177        | 24,65%                | 91         |
| <b>Tổng</b>        | <b>421</b>         | <b>446</b> | <b>5,94%</b>          | <b>224</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (hợp nhất)

**Bảng 31: Các khoản phải nộp theo luật định (Riêng lẻ)**

(cập nhật Bảng 44, trang 107 của Bản cáo bạch ngày 22/04/2024)

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu           | Số đã nộp trong kỳ |            |                          |            |
|--------------------|--------------------|------------|--------------------------|------------|
|                    | Năm 2024           | Năm 2025   | % tăng/giảm<br>2025/2024 | Quý 1/2026 |
| Thuế GTGT          | 15                 | 19         | 18,75%                   | 9          |
| Thuế TNDN          | 259                | 246        | -5,02%                   | 122        |
| Các loại thuế khác | 143                | 177        | 24,65%                   | 90         |
| <b>Tổng</b>        | <b>417</b>         | <b>442</b> | <b>6,00%</b>             | <b>221</b> |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (riêng lẻ)*

Ngân hàng TMCP Bắc Á hoàn thành đầy đủ tất cả nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật trong năm 2024, năm 2025, quý 1 năm 2026 và đến thời điểm hiện tại.

- **Trích lập các quỹ**

Tình hình trích lập các quỹ trong 02 năm gần nhất của BAC A BANK:

**Bảng 32: Trích lập các quỹ**

*(cập nhật Bảng 45, trang 108 của Bản cáo bạch ngày 22/04/2024)*

*Đơn vị: tỷ đồng*

| STT | Chỉ tiêu                                    | Năm 2024 | Năm 2025 | Quý 1/2026 |
|-----|---|----------|----------|------------|
| 1   | LNST riêng lẻ năm liền trước                | 844      | 999      | 1.186      |
| 2   | Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ        | 42       | 100      | 0          |
| 3   | Trích quỹ dự phòng tài chính                | 84       | 100      | 0          |
| 4   | Thù lao HĐQT và BKS                         | 13       | 15       | 0          |
| 5   | Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi             | 84       | 100      | 0          |
| 6   | LNST riêng lẻ còn lại sau khi trích các quỹ | 621      | 684      | 1.186      |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 (riêng lẻ)*

BAC A BANK thực hiện đúng và đầy đủ việc trích lập các Quỹ theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo phê duyệt Đại hội đồng cổ đông BAC A BANK qua từng thời kỳ.

- **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

**Bảng 33: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

*(cập nhật Bảng 46, trang 108 của Bản cáo bạch ngày 22/04/2024)*

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu  | Hợp nhất |          |            | Riêng lẻ |          |            |
|---|----------|----------|------------|----------|----------|------------|
|   | Năm 2024 | Năm 2025 | Quý 1/2026 | Năm 2024 | Năm 2025 | Quý 1/2026 |
| <b>1. Vốn tự có</b>   |          |          |            |          |          |            |
| Vốn điều lệ   | 8.959    | 10.032   | 10.721     | 8.959    | 10.032   | 10.721     |
| Vốn tự có   | 17.458   | 18.091   | 18.402     | 17.316   | 17.946   | 18.268     |
| Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)   | 11,19%   | 10,10%   | 10,19%     | 11,10%   | 10,02%   | 10,12%     |
| <b>2. Chất lượng tài sản</b>  |          |          |            |          |          |            |
| Tỷ lệ nợ quá hạn/ Tổng dư nợ  | 1,60%    | 1,44%    | 2,33%      | 1,60%    | 1,44%    | 2,33%      |
| Tỷ lệ nợ xấu/ Tổng dư nợ  | 1,24%    | 1,15%    | 1,88%      | 1,24%    | 1,15%    | 1,88%      |
| (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các TCTD khác)/ Tổng tài sản | 68,36%   | 64,81%   | 66,94%     | 68,31%   | 64,78%   | 66,90%     |
| Tài sản có sinh lời/ Tổng tài sản có nội bảng   | 82,05%   | 85,08%   | 85,68%     | 81,99%   | 85,03%   | 85,63%     |
| <b>3. Khả năng thanh khoản</b>  |          |          |            |          |          |            |
| Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân                            | 11,10%   | 13,50%   | 12,47%     | 11,09%   | 13,51%   | 12,46%     |
| Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn  | 24,97%   | 26,04%   | 27,04%     | 24,97%   | 26,04%   | 27,04%     |
| Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi   | 72,85%   | 71,42%   | 74,52%     | 72,85%   | 71,42%   | 74,52%     |
| <b>4. Kết quả hoạt động kinh doanh</b>  |          |          |            |          |          |            |

| Chỉ tiêu  | Hợp nhất |          |            | Riêng lẻ |          |            |
|---|----------|----------|------------|----------|----------|------------|
|   | Năm 2024 | Năm 2025 | Quý 1/2026 | Năm 2024 | Năm 2025 | Quý 1/2026 |
| Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân     | 11,13%   | 11,70%   | 11,12%     | 11,03%   | 11,70%   | 11,49%     |
| Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân       | 0,79%    | 0,79%    | 0,78%      | 0,78%    | 0,78%    | 0,81%      |
| Thu nhập lãi cận biên (NIM)                             | 2,53%    | 2,24%    | 2,46%      | 2,53%    | 2,24%    | 2,46%      |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)                   | 0,61%    | 0,61%    | 0,62%      | 0,60%    | 0,61%    | 0,64%      |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân               | 0,64%    | 0,64%    | 0,62%      | 0,63%    | 0,63%    | 0,64%      |
| Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)                 | 8,58%    | 8,94%    | 8,82%      | 8,51%    | 8,94%    | 9,19%      |
| Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân             | 8,93%    | 9,45%    | 8,82%      | 8,85%    | 9,45%    | 9,19%      |
| Thu nhập trên cổ phần (EPS)                             | 1.129    | 1.141    | 1.120      | N/A      | N/A      | N/A        |
| Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập                          | 1,19%    | 1,67%    | 0,89%      | 1,10%    | 1,56%    | 0,82%      |
| Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế | 8,38%    | 12,29%   | 5,43%      | 7,45%    | 11,25%   | 4,56%      |

Nguồn: BAC A BANK

### Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

#### Bảng 34: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2026 (Riêng lẻ)

(cập nhật Bảng 47, trang 111 của Bản cáo bạch ngày 22/04/2024)

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu  | Năm 2026                   |                              |
|---|----------------------------|------------------------------|
|   | Kế hoạch                   | % tăng/giảm so với năm trước |
| Thu nhập lãi thuần                                | 4.036                      | 17,4%                        |
| Lợi nhuận sau thuế                                | Từ 1.210 đến 1.330 tỷ đồng | Từ 2,1% đến 12,2%            |
| Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Thu nhập lãi thuần      | Từ 30,0% đến 33,0%         | Từ -4,5% đến -1,5%           |
| Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân | Từ 8,5% đến 9,3%           | Từ -1,2% đến -0,3%           |
| Tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty mẹ (*)           | N/A                        | N/A                          |

Nguồn: BAC A BANK

Ghi chú: (\*) Tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty mẹ năm 2026: BAC A BANK sẽ xây dựng sau khi có kết quả hoạt động kinh doanh năm 2026 và trình ĐHĐCĐ thường niên 2027 phê duyệt.

#### **Cấp có thẩm quyền đã thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 2026**

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2026 của BAC A BANK đã được Hội đồng quản trị phê duyệt theo định hướng hoạt động kinh doanh và đã được trình thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 ngày 18/04/2026.

#### **Cơ sở để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Về phương hướng hoạt động, BAC A BANK tiếp tục kiên trì với định hướng xuyên suốt là xây dựng và phát triển ngân hàng theo hướng hiện đại, quản trị tiên tiến, phù hợp với thông lệ, chuẩn mực Việt Nam và quốc tế, đáp ứng đầy đủ, đa dạng các nhu cầu về dịch vụ tài chính, ngân hàng của nền kinh tế. Tập trung tư vấn đầu tư và cho vay các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, các lĩnh vực sản xuất chế biến, phụ trợ, y tế, giáo dục...

Giải pháp thực hiện:

Năm 2026, BAC A BANK tiếp tục xây dựng và triển khai các mục tiêu kế hoạch kinh doanh an toàn, hiệu quả, thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành, năng lực tài chính và năng lực quản trị rủi ro, cụ thể:

- Về nguồn vốn: Xây dựng và thực hiện phương án tăng vốn điều lệ theo lộ trình nhằm tăng vốn tự có đảm bảo đáp ứng quy mô hoạt động, đáp ứng tốt hơn yêu cầu về tỷ lệ an toàn vốn; Tập trung tăng trưởng huy động vốn khách hàng phù hợp với tình hình sử dụng vốn, cơ cấu nguồn vốn huy động theo hướng hiệu quả bền vững.
- Về sử dụng vốn: Nâng cao chất lượng danh mục tài sản, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư; Tiếp tục thực hiện cho vay theo đúng định hướng, an toàn, hiệu quả; Phát triển đa dạng hóa các sản phẩm cho vay, phân khúc các sản phẩm phù hợp với nguồn vốn theo kỳ hạn, giá vốn, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường; Đẩy mạnh công tác thu hồi nợ, xử lý nợ xấu.
- Tập trung nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Ngân

hàng số, gia tăng các tiện ích, dịch vụ trên nền tảng số giúp tăng hiệu suất và cải thiện chất lượng hoạt động, tăng trải nghiệm gắn kết khách hàng với các hoạt động của Ngân hàng nhằm nhanh chóng thu hút và phát triển cơ sở khách hàng theo định hướng đã đề ra.

- Tăng cường công tác quản trị điều hành trên tất cả các mảng hoạt động như: Phát triển mạng lưới, tuyển dụng và đào tạo nhân sự, nâng cấp hạ tầng cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin, công tác vận hành, truyền thông và quản trị thương hiệu..., đảm bảo toàn bộ hệ thống BAC A BANK hoạt động an toàn, hiệu quả, tối ưu hóa chi phí.
- Nâng cao năng lực quản trị rủi ro, thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung các chính sách quản lý rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, tăng cường kiểm tra kiểm soát, kiểm toán nội bộ trong công tác phát triển tín dụng, vận hành tác nghiệp để ngăn ngừa, cảnh báo và phát hiện kịp thời các sai phạm trong hoạt động kinh doanh.

Với những giải pháp nêu trên kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của BAC A BANK trong năm 2025 là hoàn toàn khả thi.

### **Kết quả đạt được đến 31/03/2026**

Tính đến 31/03/2026, trên BCTC hợp nhất, thu nhập lãi thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 1.020 tỷ đồng, tương ứng 25,27% chỉ tiêu kế hoạch và lợi nhuận sau thuế đạt 300 tỷ đồng, tương ứng 22,56-24,79% chỉ tiêu kế hoạch năm 2026. BAC A BANK kỳ vọng trong năm 2026, nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng, hoạt động của khách hàng có khởi sắc hơn, qua đó tạo tiền đề giúp thúc đẩy hoạt động kinh doanh của ngân hàng đột phá những tháng cuối năm để hoàn thành tối đa kế hoạch kinh doanh 2026.

## **2. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

### **2.1 Các nhân tố rủi ro**

#### **2.1.1 Rủi ro về kinh tế**

Kinh tế – xã hội năm 2025 và quý I năm 2026 của nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục có nhiều biến động phức tạp và bất ổn. Lạm phát toàn cầu mặc dù đã hạ nhiệt so với giai đoạn đỉnh điểm trước đó, áp lực lạm phát đang gia tăng trở lại do cú sốc giá năng lượng và hàng hóa cơ bản từ các xung đột địa chính trị mới tại Trung Đông; trong khi đó, tăng trưởng kinh tế toàn cầu được các tổ chức quốc tế điều chỉnh giảm, phản ánh nhu cầu tiêu dùng và đầu tư tiếp tục suy yếu tại nhiều nền kinh tế lớn. Các biến động trong chính trị và vĩ mô thế giới có thể ảnh hưởng đến tình hình kinh tế, môi trường kinh doanh và kết quả hoạt động của BAC A BANK, cụ thể:

- Xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ thương mại và điều chỉnh thuế quan của Hoa Kỳ, cũng như một số nền kinh tế lớn, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ, năng lượng sạch và bán dẫn, tiếp tục tạo áp lực lên chuỗi cung ứng toàn cầu, làm gia tăng chi phí thương mại, biến động tỷ giá, rủi ro lạm phát với các nền kinh tế mở như Việt Nam;
- Đồng thời, xung đột giữa Nga – Ukraine tiếp tục kéo dài cùng với căng thẳng leo thang tại Trung Đông, đặc biệt liên quan Iran – Mỹ - Israel, đang làm gia tăng nguy cơ gián đoạn nguồn cung dầu khí và vận tải biển quốc tế, nhất là tại khu vực eo biển Hormuz – tuyến vận chuyển năng lượng trọng yếu của thế giới. Diễn biến này khiến giá dầu, khí đốt, phân bón, lương thực và kim loại quý duy trì ở mức cao, gây áp lực lạm phát toàn cầu;
- Bên cạnh đó, sự thận trọng ngày càng lớn của các ngân hàng trung ương chủ chốt như FED, ECB, BOJ và nhiều ngân hàng trung ương tại các thị trường mới nổi cho thấy rủi ro lạm phát quay trở lại đang khiến tiến trình nới lỏng chính sách tiền tệ bị chậm hơn dự

kiến. Mặt bằng lãi suất quốc tế vì vậy có thể duy trì ở mức cao trong thời gian dài hơn, kéo theo biến động dòng vốn, tỷ giá, lợi suất trái phiếu và áp lực thanh khoản trên thị trường tài chính – tiền tệ toàn cầu.

Trong nước, kinh tế quý I/2026 của nước ta đạt mức tăng trưởng tích cực nhờ chủ trương, chính sách của Đảng, Quốc hội và nỗ lực điều hành, quản lý vĩ mô của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ ngành và địa phương trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế thế giới, tăng trưởng nhiều quốc gia điều chỉnh giảm:

- Tốc độ tăng GDP quý I/2026 tăng 7,83% so với cùng kỳ năm trước, đẩy khích lệ (vượt mức 7,07% của quý I/2025).
- Lạm phát chịu áp lực tăng do gián đoạn chuỗi cung ứng trên thế giới. CPI bình quân quý I tăng 3,51% so với cùng kỳ, nằm trong mức mục tiêu Quốc hội đề ra nhờ những chính sách hỗ trợ kịp thời, góp phần bình ổn giá trong nước của Chính phủ.
- Cán cân thương mại: Trong quý I năm 2026, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt 249,50 tỷ USD, tăng 23,0% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu đạt 122,93 tỷ USD, tăng 19,1%, trong khi nhập khẩu đạt 126,57 tỷ USD, tăng 27,0%, dẫn đến việc chuyển sang trạng thái nhập siêu 3,64 tỷ USD
- Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng: Trong quý I năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng duy trì đà phục hồi tốt, ước đạt 1,9 triệu tỷ đồng, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7,0%.

Trong năm 2026, một số rủi ro có khả năng gây ảnh hưởng đến tăng trưởng và ổn định kinh tế Việt Nam bao gồm:

#### **Các rủi ro khách quan:**

- Chính sách thương mại toàn cầu: Việc Hoa Kỳ và một số nền kinh tế lớn tiếp tục áp dụng hoặc mở rộng các chính sách thuế quan, kiểm soát công nghệ hoặc phòng vệ thương mại có thể ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam;
- Kinh tế Trung Quốc: Sự suy giảm tăng trưởng kinh tế, khủng hoảng bất động sản kéo dài và nhu cầu tiêu dùng suy yếu tại Trung Quốc có thể ảnh hưởng đến hoạt động thương mại, du lịch, logistics và đầu tư giữa hai quốc gia, do Trung Quốc là đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam.
- Biến động địa chính trị và giá năng lượng: Căng thẳng tại Trung Đông và Nga – Ukraine tiếp tục kéo dài làm gia tăng rủi ro gián đoạn nguồn cung dầu khí, đẩy giá năng lượng, chi phí logistics và giá nguyên vật liệu nhập khẩu tăng cao. Điều này tạo áp lực lên lạm phát, chi phí sản xuất, mặt bằng lãi suất và tỷ giá trong nước, qua đó ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của doanh nghiệp.

#### **Các rủi ro nội tại nền kinh tế:**

- Thị trường bất động sản và trái phiếu doanh nghiệp: Những bất ổn trong thị trường bất động sản và áp lực đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp và tốc độ phục hồi chưa đồng đều vẫn có thể gây áp lực lên hệ thống tài chính, chất lượng tài sản ngân hàng và niềm tin của nhà đầu tư, đặc biệt tại các phân khúc có tính đầu cơ cao;
- Chất lượng tăng trưởng: Tăng trưởng kinh tế vẫn phụ thuộc đáng kể vào khu vực FDI, vốn đầu tư, lao động chi phí thấp và khai thác tài nguyên, trong khi năng suất lao động, hàm lượng công nghệ và năng lực doanh nghiệp nội địa cải thiện chưa tương xứng, làm gia tăng rủi ro về tính bền vững trong trung và dài hạn;
- Cải cách thể chế: Quá trình cải cách thể chế, hoàn thiện hành lang pháp lý cho các lĩnh

vực mới, cũng như tiến độ giải ngân đầu tư công và phát triển hạ tầng chiến lược vẫn còn một số điểm nghẽn. Điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế, làm chậm tiến trình chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và nâng cấp chuỗi giá trị sản xuất;

- Sức cạnh tranh của nền kinh tế: Năng lực cạnh tranh tổng thể của nền kinh tế dù đã được cải thiện nhưng chưa tương xứng với yêu cầu phát triển mới, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh thu hút FDI chất lượng cao, áp lực tiêu chuẩn xanh, truy xuất nguồn gốc và yêu cầu nội địa hóa ngày càng cao từ các thị trường xuất khẩu lớn;

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, trực tiếp tác động tới chi phí đầu vào của các ngành kinh doanh khác, đồng thời chịu sự ảnh hưởng trực tiếp từ các rủi ro khách quan và nội tại của nền kinh tế. Bất kỳ một sự thay đổi kinh tế nào cũng có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và triển vọng đột phát hành và phương án sử dụng vốn từ đột phát hành của Tổ chức đăng ký phát hành. Tuy nhiên, BAC A BANK hàng năm đều phân tích và dự báo triển vọng kinh tế vĩ mô và vĩ mô để đưa ra các kịch bản hoạt động Ngân hàng tương ứng để kịp thời điều chỉnh kế hoạch kinh doanh trên toàn hệ thống.

### **2.1.2 Rủi ro về khác**

**Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, pháp lý ở Việt Nam sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của BAC A BANK**

Trong năm 2025 và những tháng đầu năm 2026, Việt Nam tiếp tục kiên định với mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế và thúc đẩy tăng trưởng. Các chính sách điều hành tiền tệ, tài khóa được triển khai linh hoạt, góp phần ổn định mặt bằng lãi suất, tỷ giá, hỗ trợ thanh khoản hệ thống tổ chức tín dụng và thúc đẩy phục hồi hoạt động sản xuất – kinh doanh.

Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn đối mặt với nhiều thách thức nội tại. Tiến độ giải ngân đầu tư công và triển khai một số dự án hạ tầng chiến lược tại một số lĩnh vực còn chưa đồng đều; áp lực nợ xấu tiềm ẩn gia tăng khi tín dụng tiếp tục hướng vào các lĩnh vực có mức độ rủi ro cao hơn; thị trường bất động sản và trái phiếu doanh nghiệp mặc dù có dấu hiệu cải thiện nhưng vẫn tiềm ẩn rủi ro thanh khoản, áp lực đáo hạn và biến động niềm tin nhà đầu tư.

Bên cạnh đó, căng thẳng địa chính trị tại một số khu vực như Biển Đen, Trung Đông và Đông Á tiếp tục kéo dài, làm gián đoạn chuỗi cung ứng, gây áp lực lên giá năng lượng và an ninh lương thực toàn cầu. Song song với đó, xu hướng thắt chặt tiêu chuẩn đầu tư toàn cầu, dịch chuyển dòng vốn quốc tế và tâm lý thận trọng của nhà đầu tư nước ngoài trước rủi ro thương mại, thuế quan và tỷ giá có thể ảnh hưởng đến xuất khẩu, tiêu dùng, đầu tư và thị trường tài chính – tiền tệ tại Việt Nam, từ đó tác động gián tiếp đến hoạt động huy động vốn, tăng trưởng tín dụng và chất lượng tài sản của BAC A BANK.

### **2.2 Thông tin về chứng khoán đang lưu hành**

- **Cổ phiếu phổ thông**

**Bảng 35: Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tại ngày 31/03/2026**

*(cập nhật Bảng 4, trang 43 của Bản cáo bạch ngày 22/04/2024)*

| STT      | Danh mục  | Số lượng cổ phiếu    | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|----------|---|----------------------|------------------|
| <b>1</b> | <b>Trong nước</b>   | <b>1.072.108.294</b> | <b>99,9970%</b>  |
| a        | Tổ chức   | 36.851.429           | 3,4372%          |
| b        | Cá nhân   | 1.035.256.865        | 96,5598%         |
| <b>2</b> | <b>Nước ngoài</b>   | <b>31.907</b>        | <b>0,0030%</b>   |
| a        | Tổ chức   | 1.849                | 0,0002%          |
| b        | Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% | 0                    | 0,0000%          |
| c        | Cá nhân   | 30.058               | 0,0028%          |
| <b>3</b> | <b>Cổ phiếu quỹ</b>                                       | <b>0</b>             | <b>0,0000%</b>   |
|          | <b>Tổng cộng</b>  | <b>1.072.140.201</b> | <b>100,0000%</b> |

Nguồn: BAC A BANK, VSDC

#### • Các loại chứng khoán khác

Đã trình bày tại Bảng 29: Danh sách trái phiếu chưa đáo hạn tại 30/04/2026

### 2.3 Vị thế của Tổ chức Phát Hành trong ngành

Trải qua nhiều thăng trầm trong quá trình hình thành phát triển, đến nay BAC A BANK cũng đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận như về tốc độ tăng trưởng về dư nợ tín dụng, vốn huy động, chỉ số lợi nhuận, bên cạnh đó BAC A BANK cũng có một số lợi thế nhất định so với các ngân hàng khác.

- Về nguồn nhân lực: Các thành viên Hội đồng quản Trị, Ban Tổng giám đốc là những cán bộ có năng lực và chuyên môn ngân hàng giỏi, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ, công nhân viên tại BAC A BANK là lớp trẻ, năng nổ, nhiệt tình, tận tâm, ham học hỏi, hầu hết được đào tạo chính quy về các chuyên môn và nghiệp vụ.
- Hệ thống công nghệ thông tin: BAC A BANK tiếp tục đầu tư triển khai hệ thống công nghệ ngân hàng hiện đại, tạo nền tảng vững chắc hỗ trợ công tác quản trị ngân hàng và phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại. Trong thời gian tới, tiếp tục tăng cường năng lực tài chính, quản trị điều hành, công nghệ thông tin, mở rộng các dịch vụ ngân hàng điện tử, hiện đại hóa ngân hàng tiến tới hội nhập khu vực và thế giới. Đặc biệt, dự án KioskBanking và ngân hàng số BAC A BANK AlphaBank đưa vào hoạt động này sẽ giúp ngân hàng mở rộng hơn các dịch vụ kinh doanh và khách hàng sẽ có thêm lựa chọn để tiếp cận với dịch vụ ngân hàng 24/7.
- Nguồn khách hàng: với quy chế quản lý quy trình cấp tín dụng thông thoáng và an toàn, đảm bảo hoàn tất hồ sơ trong thời gian nhanh nhất, BAC A BANK đã hấp dẫn được một lượng lớn các khách hàng, do vậy tỷ lệ lợi nhuận từ lãi vay của BAC A BANK đạt mức cao, đảm bảo mức thu nhập và nâng cao khả năng cạnh tranh của BAC A BANK đối với ngân hàng khác.
- Trong quá trình phát triển BAC A BANK vẫn đang thực hiện cùng cố tổ chức hoạt động với nhiều cơ hội và thách thức từ thị trường và các quy định từ NHNN (về phân loại nợ, trích lập dự phòng...) nhưng với định hướng bám sát chiến lược phát triển, mở rộng và đa dạng hóa cơ sở khách hàng, giảm lệ thuộc vào khách hàng lớn, chuyển dịch

hệ khách hàng theo hướng tập trung vào các khách hàng nhỏ lẻ, có margin cao hơn và nỗ lực kiểm soát chi phí. Kết thúc quý 1 năm 2026 hoạt động của BAC A BANK đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, thể hiện qua việc các chỉ tiêu hoạt động chính đều đạt mức tăng trưởng cao:

- Tổng tài sản: tăng trưởng tốt cả về quy mô và chất lượng, tại 31/12/2025 tăng 18,33% so với 31/12/2024. Quý 1/2026, tổng tài sản giảm nhẹ 1,15% so với đầu năm 2026, nguyên nhân chủ yếu do giảm 14,57% lượng tiền gửi và cho vay các TCTD khác.
  - Hoạt động huy động vốn: BAC A BANK luôn duy trì tốc độ tăng trưởng nguồn vốn ổn định, từng bước cơ cấu nguồn vốn theo hướng tăng dần tỷ trọng huy động trung dài hạn nhằm bảo đảm tính ổn định, an toàn thanh khoản, phù hợp với danh mục cho vay. Tính đến thời điểm 31/12/2025, tổng nguồn vốn huy động đạt 178,367 tỷ đồng, tăng 18,53% so với cuối năm 2024; trong đó, tiền gửi của khách hàng chiếm tỷ trọng cao 711,21%, tăng 3,65% tỷ trọng so với cuối năm 2024. Đến 31/03/2026, tổng nguồn vốn huy động đạt 175.459 tỷ đồng, với tiền gửi khách hàng vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất tới 72,64%.
  - Hoạt động tín dụng: BAC A BANK tập trung phục vụ, tư vấn và cấp tín dụng cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, nông thôn và các ngành phụ trợ liên quan được Chính phủ khuyến khích trên cơ sở kiểm soát tốt rủi ro. Đến 31/03/2026, cho vay khách hàng của BAC A BANK đạt 129.574 tỷ đồng, tăng 2,51% so với cuối năm 2025.
  - BAC A BANK trích lập đầy đủ các khoản dự phòng rủi ro trong hoạt động theo quy định. Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31/03/2026 được kiểm soát ở mức 1,88%, là một trong những TCTD có tỷ lệ nợ xấu thấp trong hệ thống.
  - Lợi nhuận trước thuế năm 2025: 1.474 tỷ; tăng 16,98% so với năm 2024, thu nhập lãi thuần vẫn là yếu tố đóng góp chính vào tổng thu nhập hoạt động với 3.447 tỷ đồng (số liệu hợp nhất), tăng 3,79% so với năm 2024. Quý 1/2026, lợi nhuận trước thuế đạt 378 tỷ đồng, tăng nhẹ 2,98% so với cùng kỳ năm trước.
  - Trong các giai đoạn hoạt động, BAC A BANK luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định của NHNN, các chỉ số an toàn hoạt động của BAC A BANK luôn đảm bảo tuân thủ các quy định, hệ số an toàn vốn (CAR) luôn cao hơn so với mức yêu cầu tối thiểu 8% của NHNN.
- Trong giai đoạn sắp tới, BAC A BANK tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh trên cơ sở tăng trưởng bền vững, tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, kiện toàn bộ máy hoạt động, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, gia tăng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của ngân hàng, mở rộng thêm mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch trên toàn quốc, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và thị phần của Ngân Hàng.

**Bảng 36: Thị phần của BAC A BANK so với toàn ngành tại thời điểm 31/12/2024**

*(cập nhật Bảng 26, trang 75 của Bản cáo bạch ngày 22/04/2024)*

*Đơn vị: tỷ đồng*

| Chỉ tiêu hợp nhất          | Tổng tài sản  | Dư nợ cho vay | Tiền gửi của khách hàng |
|----------------------------|---------------|---------------|-------------------------|
| Số liệu toàn ngành         | 21.938.271(*) | 15.616.213,73 | 14.732.270              |
| BAC A BANK                 | 165.487(**)   | 109.553       | 122.723                 |
| Thị phần so với toàn ngành | 0,75%         | 0,70%         | 0,83%                   |

Nguồn: BAC A BANK tổng hợp, <https://www.sbv.gov.vn/>

(\*) Số liệu toàn ngành Tổng tài sản tại thời điểm 30/11/2024

(\*\*) Số liệu BAC A BANK Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2024

Số liệu về thị phần được cập nhật đến thời điểm năm 2024. Từ năm 2025 cho đến nay, Ngân hàng nhà nước chưa công bố số liệu của toàn ngành Ngân hàng năm 2025 và quý 1/2026, do đó, BAC A BANK chưa thể cập nhật số liệu thị phần đến thời điểm gần nhất.

## 2.4 Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh

**Bảng 37: Các dự án quan trọng trong năm 2024,2025,2026**

| Lĩnh vực                         | Tên dự án  | Đánh giá tác động của dự án   |
|----------------------------------|--|---|
| Tài chính – Kế toán              | Điều chuyển vốn nội bộ: Dự án định giá điều chuyển vốn nội bộ (FTP) tại Ngân hàng  | Tính toán từng giao dịch mua/bán vốn giữa Hội sở và các đơn vị kinh doanh   |
|                                  | Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế: Dự án khảo sát thực trạng và đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) | Đề đạt chuẩn mực quốc tế  |
| Chuyển đổi số nghiệp vụ tại quầy | Dự án Kiosk Banking  | <p>Trong những năm vừa qua, thực hiện chủ trương, chỉ đạo của Hội đồng quản trị về công tác chuyển đổi số ngành Ngân hàng, Khối Ngân hàng số đã dần hoàn thiện triển khai kênh Kiosk Banking nhằm số hóa đến 70% nghiệp vụ tại quầy giúp Đơn vị kinh doanh chú trọng hơn vào công tác kinh doanh, bán hàng.</p> <p>Sau gần 03 năm đi vào vận hành chính thức, hệ thống đã ghi</p> |

|               |                  |   |
|---------------|------------------|---|
|               |                  | <p>nhận được nhiều con số, nhiều tín hiệu tích cực, ngày càng nhiều khách hàng tìm đến hệ thống Kiosk Bank để sử dụng dịch vụ thay vì đến quầy giao dịch.</p> <p>Bên cạnh đó, trong năm 2026 BAC A BANK sẽ thực hiện nghiên cứu và triển khai các sản phẩm/dịch vụ mới trên Kiosk Bank, trong đó tập trung vào các dịch vụ:</p> <p>Dịch vụ thẻ: phát hành thẻ nhanh (khách hàng chỉ mất 15 phút là có thể nhận được thẻ ngay trên máy Kiosk Bank), cấp lại thẻ, nộp tiền qua thẻ, cấp lại PIN, in sao kê</p> <p>Đăng ký sử dụng dịch vụ (phát hành thẻ tín dụng, đăng ký vay vốn theo yêu cầu)</p> <p>Các sản phẩm/dịch vụ mới sẽ giúp nâng cao trải nghiệm khách hàng và sự hài lòng của khách hàng khi sử dụng sản phẩm/dịch vụ tại Kiosk Bank.</p>   |
| Chuyển đổi số | Dự án Alpha Bank | <p>Sau khi hoàn thành dự án Kiosk Banking và đưa vào hoạt động ổn định với những kết quả khả quan nhất định, BAC A BANK tiếp tục thực thi triển khai thực thi dự án Ngân hàng số Alpha Bank.</p> <p>Alpha Bank được định hướng phát triển như 1 Ngân hàng độc lập, tách biệt gần như hoàn toàn khỏi BAC A BANK với hệ thống Core Banking tách biệt, hạch toán kế toán tách biệt; hệ thống xử lý nghiệp vụ hoàn toàn trên môi trường số. Về mặt thương hiệu, Alpha Bank như 01 Ngân hàng nhánh của BAC A BANK.</p> <p>Trong năm 2025, BAC A BANK đã ký kết với các nhà thầu triển khai Hệ thống Digital Core Banking Thought Machine, ngân hàng lõi linh hoạt của Anh; Hệ thống xử lý nghiệp vụ số Backbase của Hà Lan; Wso2 API Management của Mỹ; hạ tầng AWS; eKYC; FIDO2;... Đây là những công nghệ hàng đầu, có tiếng và được đánh giá rất cao trên thị trường thế giới. Các hệ thống trên sử dụng những công nghệ tối ưu nhất như AI, Block chain, OpenAPI, Microservices,... và đều được xây dựng dựa trên quy trình QA, QC chuẩn mực từ những nhà thầu uy tín và thương hiệu như SmartOSC, FPT.</p> <p>Chiến lược ra mắt sản phẩm dịch vụ (SPDV) cũng được thực thi một cách an toàn, tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị dự án nghiêm ngặt nhằm đảm bảo rằng khi SPDV được đưa ra sẽ mang tới cho khách hàng những trải nghiệm tiện ích nhất đồng thời phải an toàn nhất vì tất cả quy trình phát hành SPDV đều thực hiện 100% trên môi trường số; từ đăng ký tài khoản / khoản vay; đến chấm điểm tín dụng, phê duyệt, khởi</p> |

|  |  |  |
|--|--|--|
|  |  | <p>tạo khoản vay, đến quản lý khoản vay, giải ngân, lưu trữ hồ sơ chứng từ số, chữ ký số đều được thực hiện hoàn toàn online.</p> <p>Với định hướng chiến lược trên, năm 2026 sẽ cho ra mắt pilot sản phẩm thanh toán và Cho vay tín chấp nhằm gia tăng CASA giúp giảm thiểu chi phí vốn cũng như bước đầu thử nghiệm, đánh giá các rủi ro tín dụng trước khi phát hành rộng rãi trên toàn thị trường.</p> <p>Những năm tiếp theo, Alpha Bank sẽ đẩy mạnh triển khai các sản phẩm cấp tín dụng khác như Cho vay thế chấp, cũng như Tài chính chuỗi, v.v.</p> |
|--|--|--|

## 2.5 Cập nhật thông tin thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD và kế toán trưởng

(Thông tin số lượng cổ phần cập nhật đến ngày 31/03/2026)

### 2.5.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị của Ngân Hàng gồm những thành viên sau:

**Bảng 38: Danh sách thành viên HĐQT**

(cập nhật Bảng 29, trang 79 của Bản cáo bạch ngày 22/04/2024)

| STT | Họ và tên            | Năm sinh | Chức vụ                                |
|-----|----------------------|----------|--|
| 1   | Bà Trần Thị Thoảng   | 1958     | Chủ tịch HĐQT                          |
| 2   | Bà Thái Hương        | 1958     | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc   |
| 3   | Ông Võ Văn Quang     | 1959     | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc |
| 4   | Ông Đặng Thái Nguyên | 1974     | Thành viên HĐQT                        |
| 5   | Bà Hoàng Hồng Hạnh   | 1961     | Thành viên độc lập HĐQT                |

Nguồn: BAC A BANK

Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị:

#### Bà Trần Thị Thoảng - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1958
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:
  - ✓ Từ năm 1981 đến 1990: Cán bộ Ban tài chính vật giá thị xã Cẩm Phả
  - ✓ Từ năm 1990 đến 2001: Cán bộ Chi cục thuế thị xã Cẩm Phả, Quảng Ninh

- |  |  |
|--|--|
| ✓ Từ năm 2001 đến nay                        | Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Bắc Á  |
| • Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK        | Chủ tịch Hội đồng Quản trị   |
| • Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác      | Không  |
| • Số cổ phần nắm giữ                         | 33.317.322 cổ phần, chiếm 3,108% Vốn điều lệ   |
| • Số cổ phần đại diện sở hữu                 | Không  |
| • Số cổ phần người có liên quan nắm giữ      | 15.445.109 cổ phần, chiếm 1,441% Vốn điều lệ, trong đó:<br>Chồng Đào Đình Phát, sở hữu 15.445.109 cổ phần, chiếm 1,441% Vốn điều lệ  |
| • Hành vi vi phạm pháp luật                  | Không  |
| • Các khoản nợ với BAC A BANK                | Không  |
| • Lợi ích liên quan đối với BAC A BANK       | Theo quy định tại Ngân hàng<br>Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Bà Trần Thị Thoảng và những người có liên quan của Bà Trần Thị Thoảng trong năm 2025 (đến hết ngày 31/12/2025): Không |
| • Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích BAC A BANK | Không  |

**Bà Thái Hương – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

- |                        |   |
|------------------------|---|
| • Giới tính            | Nữ  |
| • Năm sinh             | 1958  |
| • Quốc tịch            | Việt Nam  |
| • Trình độ chuyên môn  | Cử nhân Kinh tế   |
| • Quá trình công tác   |   |
| ✓ Từ năm 1980 đến 1985 | Cán bộ Ban vật giá tài chính Hải Phòng                    |
| ✓ Từ năm 1985 đến 1989 | Cán bộ kế toán Công ty Vật liệu xây dựng chất đốt Nghệ An |
| ✓ Từ năm 1989 đến 1994 | Giám đốc Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Hương Hà          |

|   |   |
|---|---|
| ✓ Từ năm 1994 đến nay                   | Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Bắc Á   |
| • Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK   | Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT  |
| • Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không   |
| • Số cổ phần nắm giữ                    | 46.637.001 cổ phần, chiếm 4,350% Vốn điều lệ  |
| • Số cổ phần đại diện sở hữu            | Không   |
| • Số cổ phần người có liên quan nắm giữ | 168.336.165 cổ phần, chiếm 15,701% Vốn điều lệ, trong đó:<br><br>Bà Thái Thị Thanh Bình (em gái), sở hữu 8.569.553 cổ phần, chiếm 0,799% Vốn điều lệ<br><br>Ông Lê Hồng Trường (anh rể), sở hữu 4.655.754 cổ phần, chiếm 0,434% Vốn điều lệ<br><br>Ông Nguyễn Văn Danh (em rể), sở hữu 31.725.075 cổ phần, chiếm 2,959% Vốn điều lệ<br><br>Ông Hoàng Ngọc Hòa (em rể), sở hữu 27.147.144 cổ phần, chiếm 2,532% Vốn điều lệ<br><br>Ông Nguyễn Trọng Trung (em rể), sở hữu 38.426.491 cổ phần, chiếm 3,584% Vốn điều lệ<br><br>Anh chồng Nguyễn Hồng Tiến, sở hữu 18.158.732 cổ phần, chiếm 1,694% Vốn điều lệ<br><br>Em chồng Nguyễn Văn Lương, sở hữu 2.818.737 cổ phần, chiếm 0,263% Vốn điều lệ<br><br>Em chồng Nguyễn Thị Linh, sở hữu 12.409.625 cổ phần, chiếm 1,157% Vốn điều lệ;<br><br>Cháu ruột Lê Thị Quỳnh Hoa, sở hữu 1.545.205 cổ phần, chiếm 0,144 % Vốn điều lệ<br><br>Cháu ruột Lê Thị Hồng Hạnh, sở hữu 2.283.189 cổ phần, chiếm 0,213 % vốn điều lệ;<br><br>Cháu ruột Nguyễn Thị Huyền Trang, sở hữu 6.550.253 cổ phần chiếm 0,611% Vốn điều lệ<br><br>Cháu ruột Nguyễn Thị Huyền Ly, sở hữu 2.778.503 cổ phần, chiếm 0,259% Vốn điều lệ<br><br>Cháu ruột Hoàng Thị Ngọc Huyền, sở hữu 11.267.904 cổ phần, chiếm 1,051% Vốn điều lệ |

- Hành vi vi phạm pháp luật Không
- Các khoản nợ với BAC A BANK Không
- Lợi ích liên quan đối với BAC A BANK Theo quy định tại Ngân hàng Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Bà Thái Hương và những người có liên quan của Bà Thái Hương trong năm 2025 (đến hết ngày 31/12/2025): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích BAC A BANK Không

#### **Ông Võ Văn Quang – Thành viên HĐQT**

- Giới tính Nam
- Năm sinh 1959
- Quốc tịch Việt Nam
- Trình độ chuyên môn Tiến sỹ Kinh tế
- Quá trình công tác
  - ✓ Từ năm 1976 đến 1981 Sinh viên Đại học Xây dựng Hà Nội
  - ✓ Từ năm 1981 đến 1986 Phó Giám đốc Công ty Xây dựng số 02 – Sở Xây Dựng Nghệ An
  - ✓ Từ năm 1986 đến 1992 Cán bộ/ Phó Phòng Tín dụng Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Chi nhánh tỉnh Nghệ An
  - ✓ Từ năm 1993 đến 1997 Cán bộ/ Phó Phòng thanh tra các Ngân hàng TMCP Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
  - ✓ Từ năm 1997 đến 2009 Chánh văn phòng Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
  - ✓ Từ năm 2009 đến nay Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD Ngân hàng TMCP Bắc Á
- Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Đầu tư và Tư vấn tài chính
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Không

- Số cổ phần nắm giữ 840.009 cổ phần, chiếm 0,078% Vốn điều lệ
- Số cổ phần đại diện sở hữu Không
- Số cổ phần người có liên quan nắm giữ Không
- Hành vi vi phạm pháp luật Không
- Các khoản nợ với BAC A BANK Không
- Lợi ích liên quan đối với BAC A BANK Theo quy định tại Ngân hàng Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông Võ Văn Quang và những người có liên quan của Ông Võ Văn Quang trong năm 2025 (đến hết ngày 31/12/2025): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích BAC A BANK Không

**Ông Đặng Thái Nguyên - Thành viên HĐQT**

- Giới tính Nam
- Năm sinh 1974
- Quốc tịch Việt Nam
- Trình độ chuyên môn Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác
  - ✓ Từ năm 1997 đến 2003 Cán bộ Tín dụng – Trụ sở chính Ngân hàng TMCP Bắc Á
  - ✓ Từ năm 2003 đến 2007 Giám đốc Chi nhánh Thanh Hóa – Ngân hàng TMCP Bắc Á
  - ✓ Từ năm 2006 đến nay Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng Khoán Việt
  - ✓ Từ 04/2013 - nay Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bắc Á
- Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt
- Số cổ phần nắm giữ 3.332.023 cổ phần, chiếm 0,311% Vốn điều lệ

- |  |  |
|--|--|
| • Số cổ phần đại diện sở hữu                 | Không  |
| • Số cổ phần người có liên quan nắm giữ      | Không  |
| • Hành vi vi phạm pháp luật                  | Không  |
| • Các khoản nợ với BAC A BANK                | Không  |
| • Lợi ích liên quan đối với BAC A BANK       | Theo quy định tại Ngân hàng<br>Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông Đặng Thái Nguyên và những người có liên quan của Ông Đặng Thái Nguyên trong năm 2025 (đến hết ngày 31/12/2025): Không |
| • Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích BAC A BANK | Không  |

**Bà Hoàng Hồng Hạnh - Thành viên độc lập HĐQT**

- |                          |   |
|--------------------------|---|
| • Giới tính              | Nữ  |
| • Năm sinh               | 1961  |
| • Quốc tịch              | Việt Nam  |
| • Trình độ chuyên môn    | Tiến sĩ khoa học  |
| • Quá trình công tác     |   |
| ✓ Từ 09/1986 đến 08/1992 | Trợ lý Cán bộ giảng dạy (09/1986-02/1987)/Cán bộ giảng dạy (02/1987-02/2000) tại Đại học kinh tế quốc dân   |
| ✓ Từ 09/1992 đến 06/2009 | Cán bộ Hội sở chính (09/1992-02/2000)/Phó trưởng phòng Vốn Hội sở chính (03/2000-08/2002), Trưởng phòng Vốn Hội sở chính (09/2002-12/2006), Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp lớn Hội sở chính (01/2007-06/2009) Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam |
| ✓ Từ 07/2009 đến 09/2010 | Tổng giám đốc Công ty Quản lý Đầu tư TH   |
| ✓ Từ 07/2009 đến 09/2010 | Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Intimex Việt Nam  |

|  |  |
|--|--|
| ✓ Từ 10/2010 đến 10/2013                     | Tổng giám đốc Công ty cổ phần Intimex Việt Nam   |
| ✓ Từ 10/2013 đến 03/2015                     | Tổng giám đốc Công ty cổ phần Quản lý Đầu tư Quốc tế   |
| ✓ Từ 04/2015 đến 04/2019                     | Thành viên độc lập của HĐQT Ngân hàng TMCP Bắc Á   |
| ✓ Từ 04/2015 đến nay                         | Tổng giám đốc: Công ty cổ phần Quản lý Đầu tư Quốc tế  |
| ✓ Từ 04/2019 đến nay                         | Thành viên độc lập HĐQT Ngân hàng TMCP Bắc Á   |
| • Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK        | Thành viên độc lập HĐQT  |
| • Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác      | Tổng giám đốc: Công ty cổ phần Quản lý Đầu tư Quốc tế  |
| • Số cổ phần nắm giữ                         | Không  |
| • Số cổ phần nắm giữ                         | Không  |
| • Số cổ phần đại diện sở hữu                 | Không  |
| • Số cổ phần người có liên quan nắm giữ      | Không  |
| • Hành vi vi phạm pháp luật                  | Không  |
| • Các khoản nợ với BAC A BANK                | Không  |
| • Lợi ích liên quan đối với BAC A BANK       | Theo quy định tại Ngân hàng<br>Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Bà Hoàng Hồng Hạnh và những người có liên quan của Bà Hoàng Hồng Hạnh trong năm 2025 (đến hết ngày 31/12/2025): Không |
| • Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích BAC A BANK | Không  |

## 2.5.2 Ban kiểm soát

### Bảng 39: Danh sách thành viên Ban kiểm soát

(cập nhật Bảng 30, trang 85 của Bản cáo bạch ngày 22/04/2024)

| STT | Họ và tên             | Năm sinh | Chức vụ                       |
|-----|-----------------------|----------|-------------------------------|
| 1   | Ông Phạm Hồng Công    | 1961     | Trưởng Ban kiểm soát          |
| 2   | Bà Trần Thị Khánh Chi | 1990     | Thành viên chuyên trách       |
| 3   | Bà Nguyễn Thanh Thủy  | 1992     | Thành viên không chuyên trách |

*Nguồn: BAC A BANK*

Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban kiểm soát:

**Ông Phạm Hồng Công - Trưởng Ban kiểm soát**

- Giới tính Nam
- Năm sinh 1961
- Quốc tịch Việt Nam
- Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác
  - ✓ Từ năm 1984 đến 1992 Trưởng phòng Kế hoạch – Xí nghiệp Xuất nhập khẩu Vật liệu xây dựng Vinh
  - ✓ Từ năm 1992 đến 1994 Kế toán trưởng Tổng đội Thanh niên xây dựng kinh tế Vinh
  - ✓ Từ năm 1994 đến nay Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bắc Á
- Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Không
- Số cổ phần nắm giữ 2.294.587 cổ phần, chiếm 0,214% Vốn điều lệ
- Số cổ phần người có liên quan nắm giữ Không
- Hành vi vi phạm pháp luật Không
- Các khoản nợ với BAC A BANK Không
- Lợi ích liên quan đối với BAC A BANK Theo quy định tại Ngân hàng Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên

50% vốn điều lệ với Ông Phạm Hồng Công và những người có liên quan của Ông Phạm Hồng Công trong năm 2025 (đến hết ngày 31/12/2025):  
Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích BAC A BANK

Không

**Bà Trần Thị Khánh Chi – Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách**

- Giới tính Nữ
- Năm sinh 1990
- Quốc tịch Việt Nam
- Trình độ chuyên môn Cử nhân Tài chính Ngân hàng
- Quá trình công tác
  - ✓ Từ 08/2012 đến 09/2013 Chuyên viên quan hệ khách hàng Ngân hàng TMCP Bắc Á
  - ✓ Từ 09/2013 đến 09/2016 Giao dịch viên Ngân hàng TMCP Bắc Á
  - ✓ Từ 09/2016 đến 02/2021 Nhân viên hậu kiểm Ngân hàng TMCP Bắc Á
  - ✓ Từ 02/2021 đến nay Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Bắc Á
  - ✓ Từ 04/2024 đến nay Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách
- Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Không
- Số cổ phần nắm giữ Không
- Số cổ phần người có liên quan nắm giữ
 

25.001.602 cổ phần, chiếm 2.332% Vốn điều lệ, trong đó:

Ông Nguyễn Đăng Hùng (chồng), sở hữu 14.413.218 cổ phần, chiếm 1,344% Vốn điều lệ

Ông Nguyễn Đăng Ba (bố chồng), sở hữu 10.588.384 cổ phần, chiếm 0,988% Vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật Không
- Các khoản nợ với BAC A BANK Không
- Lợi ích liên quan đối với Theo quy định tại Ngân hàng

BAC A BANK

Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Bà Trần Thị Khánh Chi và những người có liên quan của Bà Trần Thị Khánh Chi trong năm 2025 (đến hết ngày 31/12/2025): Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích BAC A BANK

Không

**Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách**

- Giới tính

Nữ

- Năm sinh

1992

- Quốc tịch

Việt Nam

- Trình độ chuyên môn

Thạc sĩ Kinh tế

- Quá trình công tác

✓ Từ 10/2014 đến nay

Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Bắc Á

✓ Từ 04/2024 đến nay

Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách

- Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK

Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

Không

- Số cổ phần nắm giữ

Không

- Số cổ phần người có liên quan nắm giữ

Không

- Hành vi vi phạm pháp luật

Không

- Các khoản nợ với BAC A BANK

Không

- Lợi ích liên quan đối với BAC A BANK

Theo quy định tại Ngân hàng

Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Bà Nguyễn Thanh Thủy và những người có liên quan của Bà Nguyễn Thanh Thủy trong năm 2025 (đến hết ngày 31/12/2025):

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Không
- BAC A BANK Không

### 2.5.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

**Bảng 40: Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**  
(cập nhật Bảng 31, trang 88 của Bản cáo bạch ngày 22/04/2024)

| STT | Họ và tên              | Năm sinh | Chức vụ           |
|-----|------------------------|----------|-------------------|
| 1   | Bà Thái Hương          | 1958     | Tổng Giám đốc     |
| 2   | Ông Nguyễn Trọng Trung | 1966     | Phó Tổng Giám đốc |
| 3   | Ông Đặng Trung Dũng    | 1974     | Phó Tổng Giám đốc |
| 4   | Ông Võ Văn Quang       | 1959     | Phó Tổng Giám đốc |
| 5   | Ông Chu Nguyên Bình    | 1977     | Phó Tổng Giám đốc |
| 6   | Ông Trương Vĩnh Lợi    | 1972     | Phó Tổng Giám đốc |
| 7   | Ông Lê Ngọc Hồng Nhật  | 1976     | Phó Tổng Giám đốc |
| 8   | Ông Nguyễn Việt Hanh   | 1976     | Phó Tổng Giám đốc |
| 9   | Ông Nguyễn Ái Dân      | 1970     | Phó Tổng Giám đốc |
| 10  | Bà Thái Thị Nga        | 1971     | Phó Tổng Giám đốc |
| 11  | Bà Nguyễn Hồng Yến     | 1979     | Kế toán trưởng    |

Nguồn: BAC A BANK

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

**Bà Thái Hương – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc:** Sơ yếu lý lịch như trên

**Ông Nguyễn Trọng Trung - Phó Tổng Giám đốc**

- Giới tính Nam
- Năm sinh 1966
- Quốc tịch Việt Nam
- Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác

|  |   |
|--|---|
| ✓ Từ 1986 - 1989:                            | Kế toán - Công ty Vật liệu xây dựng chất đốt Nghệ Tĩnh - thuộc sở Thương Mại Nghệ Tĩnh.   |
| ✓ Từ 1989 - 1994:                            | Kế toán Tổng hợp - Công ty Vật liệu xây dựng chất đốt Nghệ Tĩnh - thuộc sở Thương Mại Nghệ Tĩnh.  |
| ✓ Từ 1994 - 2003:                            | Kế toán Tổng hợp Ngân hàng TMCP Bắc Á   |
| ✓ Từ 2003 - nay:                             | Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á  |
| • Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK        | Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á  |
| • Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác      | Không   |
| • Số cổ phần nắm giữ                         | 38.426.491 cổ phần, chiếm 3,753% Vốn điều lệ  |
| • Số cổ phần đại diện sở hữu                 | Không   |
| • Số cổ phần người có liên quan nắm giữ      | 66.405.791 cổ phần, chiếm 6.194% vốn điều lệ, trong đó:<br><br>Bà Thái Hương (chị vợ) sở hữu 46.637.001 cổ phần, chiếm 4,350% vốn điều lệ<br>Em vợ Thái Thị Thanh Bình sở hữu 8.569.553 cổ phần, chiếm 0,799%<br><br>Bà Nguyễn Thị Hồng Thủy (em gái) sở hữu 10.604.469 cổ phần, chiếm 0,989% vốn điều lệ<br>Ông Nguyễn Trọng Dũng (em trai) sở hữu 594.768 cổ phần, chiếm 0,055% vốn điều lệ |
| • Hành vi vi phạm pháp luật                  | Không   |
| • Các khoản nợ với BAC A BANK                | Không   |
| • Lợi ích liên quan đối với BAC A BANK       | Theo quy định tại Ngân hàng<br>Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông Nguyễn Trọng Trung và những người có liên quan của Ông Nguyễn Trọng Trung trong năm 2025 (đến hết ngày 31/12/2025): Không  |
| • Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích BAC A BANK | Không   |

### **Ông Đặng Trung Dũng - Phó Tổng Giám đốc**

- Giới tính Nam
- Năm sinh 1974
- Quốc tịch Việt Nam
- Trình độ chuyên môn Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:
  - ✓ Từ 1995 - 1996 Kế toán tổng hợp, Phó Giám đốc Tài chính Công ty VIFOCO tại Hà Nội
  - ✓ Từ 1996 - 2000 Chuyên viên tín dụng, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)
  - ✓ Từ 2001 - 2004 Trưởng Phòng Tín dụng, BAC A BANK Chi nhánh Hà Nội
  - ✓ Từ 2004 - 2006 Phó Giám đốc phụ trách BAC A BANK Chi nhánh Hà Nội
  - ✓ Từ 2006 - 2016 Phó Tổng Giám đốc thường trực, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)
  - ✓ Từ 2016 đến nay Phó Tổng Giám đốc Thường trực, BAC A BANK
- Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK Phó Tổng Giám đốc Thường trực
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Không
- Số cổ phần nắm giữ Không
- Số cổ phần đại diện sở hữu Không
- Số cổ phần người có liên quan nắm giữ 55.206.554 cổ phần chiếm 5,149% Vốn điều lệ, trong đó:  
Bà Thái Thị Thanh Bình (vợ), sở hữu 8.569.553 cổ phần, chiếm 0,799% Vốn điều lệ;  
Bà Thái Hương (chị vợ) sở hữu 46.637.001 cổ phần, chiếm 4,350% Vốn điều lệ;
- Hành vi vi phạm pháp luật Không

- Các khoản nợ với BAC A BANK Không
- Lợi ích liên quan đối với BAC A BANK Theo quy định tại Ngân hàng  
Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông Đặng Trung Dũng và những người có liên quan của Ông Đặng Trung Dũng trong năm 2025 (đến hết ngày 31/12/2025): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích BAC A BANK Không

**Ông Chu Nguyên Bình - Phó Tổng Giám đốc**

- Giới tính Nam
- Năm sinh 1977
- Quốc tịch Việt Nam
- Trình độ chuyên môn Tiến sỹ kinh tế
- Quá trình công tác
  - ✓ Từ 01/2001 - 05/2002: Kiểm toán viên, Công ty Kiểm toán KPMG
  - ✓ Từ 05/2002 - 04/2003: Trưởng phòng Kiểm toán và tư vấn, Công ty Kế toán, Kiểm toán, Tư vấn Việt Nam (AACC)
  - ✓ Từ 05/2003 - 02/2006: Chuyên viên Kinh doanh Vốn và Ngoại tệ, Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
  - ✓ Từ 03/2006 - 02/2008: Giám đốc Nguồn vốn, Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
  - ✓ Từ 03/2008 - nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ, BAC A BANK
- Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Kiều hồi Bắc Á
- Số cổ phần nắm giữ 2.306.492 cổ phần, chiếm 0,215% Vốn điều lệ
- Số cổ phần đại diện sở hữu Không
- Số cổ phần người có liên quan nắm Không

giữ

- |  |   |
|--|---|
| • Hành vi vi phạm pháp luật                  | Không   |
| • Các khoản nợ với BAC A BANK                | Không   |
| • Lợi ích liên quan đối với BAC A BANK       | Theo quy định tại Ngân hàng<br>Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông Chu Nguyên Bình và những người có liên quan của Ông Chu Nguyên Bình trong năm 2025 (đến hết ngày 31/12/2025):<br>Không |
| • Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích BAC A BANK | Không   |

**Ông Trương Vĩnh Lợi - Phó Tổng Giám đốc**

- |   |   |
|---|---|
| • Giới tính                             | Nam   |
| • Năm sinh                              | 1972  |
| • Quốc tịch                             | Việt Nam  |
| • Trình độ chuyên môn                   | Thạc sỹ kinh tế   |
| • Quá trình công tác                    |   |
| ✓ Từ 01/1994 - 08/1997:                 | Nhân viên Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam   |
| ✓ Từ 09/1997 - 05/2008:                 | Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Trung ương (qua các vị trí nhân viên, phó phòng, trưởng phòng)     |
| ✓ Từ 06/2008 - nay:                     | Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro, BAC A BANK                                 |
| • Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK   | Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro   |
| • Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Thành viên HĐQT Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng TMCP Bắc Á (BAC A AMC) |
| • Số cổ phần nắm giữ                    | Không   |
| • Số cổ phần đại diện sở hữu            | Không   |
| • Số cổ phần người có liên quan nắm     | Không   |

giữ

- |  |   |
|--|---|
| • Hành vi vi phạm pháp luật                  | Không   |
| • Các khoản nợ với BAC A BANK                | Không   |
| • Lợi ích liên quan đối với BAC A BANK       | Theo quy định tại Ngân hàng<br>Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông Trương Vĩnh Lợi và những người có liên quan của Ông Trương Vĩnh Lợi trong năm 2025 (đến hết ngày 31/12/2025):<br>Không |
| • Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích BAC A BANK | Không   |

**Ông Nguyễn Việt Hanh**

- |   |   |
|---|---|
| • Giới tính                             | Nam   |
| • Năm sinh                              | 1976  |
| • Quốc tịch                             | Việt Nam  |
| • Trình độ chuyên môn                   | Cử nhân kinh tế   |
| • Quá trình công tác                    |   |
| ✓ Từ 2003 – 2005:                       | Chuyên viên nguồn vốn, Vietcombank Trụ sở chính chính                                   |
| ✓ Từ 2006 - 10/2006:                    | Phó phòng Nguồn vốn, BAC A BANK, Trụ sở chính chính                                     |
| ✓ Từ 10/2006 - 03/2014:                 | Giám đốc BAC A BANK Chi nhánh Hà Nội  |
| ✓ Từ 03/2014 - 01/2017:                 | Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Ngân hàng Bán lẻ và Khối Hỗ trợ Tác nghiệp, BAC A BANK |
| ✓ Từ 01/2020 - nay:                     | Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Vận hành, BAC A BANK                               |
| • Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK   | Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Vận hành   |
| • Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không   |
| • Số cổ phần nắm giữ                    | Không   |

- |  |   |
|--|---|
| • Số cổ phần đại diện sở hữu                 | Không   |
| • Số cổ phần người có liên quan nắm giữ      | Không   |
| • Hành vi vi phạm pháp luật                  | Không   |
| • Các khoản nợ với BAC A BANK                | Không   |
| • Lợi ích liên quan đối với BAC A BANK       | Theo quy định tại Ngân hàng<br>Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông Nguyễn Việt Hanh và những người có liên quan của Ông Nguyễn Việt Hanh trong năm 2025 (đến hết ngày 31/12/2025):<br>Không |
| • Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích BAC A BANK | Không   |

#### **Ông Nguyễn Ái Dân**

- |   |   |
|---|---|
| • Giới tính                             | Nam   |
| • Năm sinh                              | 1970  |
| • Quốc tịch                             | Việt Nam  |
| • Trình độ chuyên môn                   | Cử nhân   |
| • Quá trình công tác                    |   |
| ✓ Trước 01/08/2005:                     | Giám đốc CNTT Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)   |
| ✓ Từ 01/08/2005 - 02/2016:              | Trưởng ban CNTT, BAC A BANK                           |
| ✓ Từ 02/2016 - nay:                     | Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối CNTT, BAC A BANK |
| • Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK   | Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối CNTT             |
| • Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không   |
| • Số cổ phần nắm giữ                    | Không   |
| • Số cổ phần đại diện sở hữu            | Không   |
| • Số cổ phần người có liên quan nắm giữ | Không   |

- |  |   |
|--|---|
| • Hành vi vi phạm pháp luật                  | Không   |
| • Các khoản nợ với BAC A BANK                | Không   |
| • Lợi ích liên quan đối với BAC A BANK       | Theo quy định tại Ngân hàng<br>Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông Nguyễn Ái Dân và những người có liên quan của Ông Nguyễn Ái Dân trong năm 2025 (đến hết ngày 31/12/2025):<br>Không |
| • Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích BAC A BANK | Không   |

**Ông Lê Ngọc Hồng Nhật**

- |   |  |
|---|--|
| • Giới tính                             | Nam  |
| • Năm sinh                              | 1976   |
| • Quốc tịch                             | Việt Nam   |
| • Trình độ chuyên môn                   | Thạc sỹ kinh tế  |
| • Quá trình công tác                    |  |
| ✓ Từ 12/1998 - 2002:                    | Chuyên viên Tín dụng, Thẩm định, Nguồn vốn BIDV CN Hà Tĩnh.          |
| ✓ Từ 2002- 2003:                        | Phó phòng Nguồn vốn - Thẩm định BIDV Hà Tĩnh                         |
| ✓ Từ 2003 - 2005:                       | Trưởng phòng Nguồn vốn - Thẩm định BIDV Hà Tĩnh                      |
| ✓ Từ 2005 - 2008:                       | Trưởng phòng Tài chính BIDV Hà Tĩnh                                  |
| ✓ Từ 2008 - 2009:                       | PGĐ Sở giao dịch BAC A BANK  |
| ✓ Từ 2009 - 10/2015:                    | Giám đốc Khối Tài chính BAC A BANK                                   |
| ✓ Từ 11/2015 - nay:                     | Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tài chính - Kế toán, BAC A BANK |
| • Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK   | Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tài chính - Kế toán             |
| • Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Thành viên HĐQT Công ty TNHH Kiều hời Bắc Á                          |

- |  |  |
|--|--|
| • Số cổ phần nắm giữ                         | 2.001.291 cổ phần, chiếm 0,187% Vốn điều lệ  |
| • Số cổ phần đại diện sở hữu                 | Không  |
| • Số cổ phần người có liên quan nắm giữ      | Không  |
| • Hành vi vi phạm pháp luật                  | Không  |
| • Các khoản nợ với BAC A BANK                | Không  |
| • Lợi ích liên quan đối với BAC A BANK       | Theo quy định tại Ngân hàng<br>Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông Lê Ngọc Hồng Nhật và những người có liên quan của Ông Lê Ngọc Hồng Nhật trong năm 2025 (đến hết ngày 31/12/2025): Không |
| • Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích BAC A BANK | Không  |

**Ông Võ Văn Quang – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc:** Sơ yếu lý lịch như trên

**Bà Thái Thị Nga**

- |   |   |
|---|---|
| • Giới tính                             | Nữ  |
| • Năm sinh                              | 1971  |
| • Quốc tịch                             | Việt Nam  |
| • Trình độ chuyên môn                   | Cử nhân kinh tế   |
| • Quá trình công tác                    |   |
| ✓ Từ: 1994 - 10/2018:                   | Phó phòng tín dụng Hội sở Vinh                              |
| ✓ Từ: 10/2018 - 02/10/2023:             | Phó phòng Thẩm định, BAC A BANK Hội sở Vinh                 |
| ✓ Từ 03/10/2023 – nay:                  | Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á                      |
| • Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK   | Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á                      |
| • Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt |
| • Số cổ phần nắm giữ                    | Không   |

|   |  |
|---|--|
| • Số cổ phần đại diện sở hữu            | Không  |
| • Số cổ phần người có liên quan nắm giữ | <p>192.785.309 cổ phần, chiếm 17.981% vốn điều lệ, trong đó:</p> <p>Chồng Nguyễn Trọng Trung, sở hữu 38.426.491 cổ phần, chiếm 3,584% Vốn điều lệ</p> <p>Anh rể Lê Hồng Trường, sở hữu 4.655.754 cổ phần, chiếm 0,434% Vốn điều lệ</p> <p>Chị gái Thái Hương, sở hữu 46.637.001 cổ phần, chiếm 4,350% Vốn điều lệ</p> <p>Anh rể Nguyễn Văn Danh, sở hữu 31.725.075 cổ phần, chiếm 2,959% Vốn điều lệ</p> <p>Anh rể Hoàng Ngọc Hòa, sở hữu 27.147.144 cổ phần, chiếm 2,532% Vốn điều lệ</p> <p>Em gái Thái Thị Thanh Bình, sở hữu 8.569.553 cổ phần, chiếm 0,799% Vốn điều lệ</p> <p>Em chồng Nguyễn Trọng Dũng, sở hữu 594.768 cổ phần, chiếm 0,056 % vốn điều lệ;</p> <p>Em chồng Nguyễn Thị Hồng Thủy, sở hữu 10.604.469 cổ phần, chiếm 0,989 % vốn điều lệ;</p> <p>Cháu ruột Lê Thị Quỳnh Hoa, sở hữu 1.545.205 cổ phần, chiếm 0,144 % Vốn điều lệ</p> <p>Cháu ruột Lê Thị Hồng Hạnh, sở hữu 2.283.189 cổ phần, chiếm 0,213% Vốn điều lệ</p> <p>Cháu ruột Nguyễn Thị Huyền Trang, sở hữu 6.550.253 cổ phần chiếm 0,611% Vốn điều lệ</p> <p>Cháu ruột Nguyễn Thị Huyền Ly, sở hữu 2.778.503 cổ phần, chiếm 0,259% Vốn điều lệ</p> <p>Cháu ruột Hoàng Thị Ngọc Huyền, sở hữu 11.267.904 cổ phần, chiếm 1,051% Vốn điều lệ</p> |
| • Hành vi vi phạm pháp luật             | Không  |
| • Các khoản nợ với BAC A BANK           | Không  |
| • Lợi ích liên quan đối với BAC A BANK  | <p>Theo quy định tại Ngân hàng</p> <p>Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Bà Thái Thị Nga và những người có liên quan của Bà Thái Thị Nga trong</p>  |

năm 2025 (đến hết ngày 31/12/2025): Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích BAC A BANK

Không

**Bà Nguyễn Hồng Yến – Kế toán trưởng**

- Giới tính

Nữ

- Năm sinh

1979

- Quốc tịch

Việt Nam

- Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác

✓ Từ năm 2000 đến 2001

Kế toán Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Vạn Niên

✓ Từ năm 2002 đến 2004

Giao dịch viên Ngân hàng TMCP Bắc Á – PGD Chợ ga

✓ Từ năm 2005 đến 2007

Kế toán viên Ngân hàng TMCP Bắc Á

✓ Từ năm 2008 đến 2010

Phó phòng kế toán Ngân hàng TMCP Bắc Á

✓ Từ năm 2011 đến nay

Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Bắc Á

- Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK

Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

Không

- Số cổ phần nắm giữ

Không

- Số cổ phần đại diện sở hữu

Không

- Số cổ phần người có liên quan nắm giữ

22.385.441 cổ phần, chiếm 2,088% Vốn điều lệ, trong đó:

Chồng Ông Trần Anh Dũng, sở hữu 4.226.709 cổ phần, chiếm 0,394% Vốn điều lệ

Bố chồng Ông Nguyễn Hồng Tiến, sở hữu 18.158.732 cổ phần, chiếm 1,694% Vốn điều lệ

- Hành vi vi phạm pháp luật

Không

- Các khoản nợ với BAC A BANK

Không

- Lợi ích liên quan đối với BAC A BANK

Theo quy định tại Ngân hàng

Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên

50% vốn điều lệ với Bà Nguyễn Hồng Yến và những người có liên quan của Bà Nguyễn Hồng Yến trong năm 2025 (đến hết ngày 31/12/2025):  
Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích BAC A BANK Không

## 2.6 Chính sách chi trả cổ tức

**Bảng 41: Tỷ lệ trả cổ tức qua các năm**

(cập nhật Bảng 32, trang 98 của Bản cáo bạch ngày 22/04/2024)

| Năm          | Tỷ lệ trả cổ tức/mệnh giá cổ phần | Phương thức trả cổ tức    |
|--------------|-----------------------------------|---------------------------|
| Năm 2023     | 6,93%                             | Cổ phiếu (đã hoàn thành)  |
| Năm 2024     | 6,87%                             | Cổ phiếu (đã hoàn thành)  |
| Năm 2025 (*) | 7,50%                             | Cổ phiếu (chưa thực hiện) |

Nguồn: BAC A BANK

(\*) Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu với tỷ lệ dự kiến là 7,5% trên tổng số vốn điều lệ đã được phê duyệt tại Đại hội cổ đông thường niên BAC A BANK năm 2026 ngày 18/04/2026.

## 2.7 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

### 2.7.1 Trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn

Tính đến thời điểm 30/04/2026, số dư trái phiếu BAC A BANK đang lưu hành mà chưa đến hạn thanh toán là 17.559,6 tỷ đồng, trong đó Trái phiếu riêng lẻ là 14.000 tỷ đồng, trái phiếu công chúng là 3.559,6 tỷ đồng, cụ thể như sau:

**Bảng 42: Thông tin số dư trái phiếu đã phát hành chưa đáo hạn (tính theo mệnh giá)**

(cập nhật Bảng 33, trang 99 của Bản cáo bạch ngày 22/04/2024)

Đơn vị: tỷ đồng

| TT | Kỳ hạn                       | 31/12/2024       | 31/12/2025      | 30/04/2026      |
|----|------------------------------|------------------|-----------------|-----------------|
|    | <b>Trái phiếu riêng lẻ</b>   | <b>8.300</b>     | <b>13.000</b>   | <b>14.000</b>   |
| 1  | Trái phiếu tăng vốn cấp 2    | 300              | 0               | 0               |
| 2  | Trái phiếu thường            | 8.000            | 13.000          | 14.000          |
|    | <b>Trái phiếu công chúng</b> | <b>4.718,85</b>  | <b>4.165,4</b>  | <b>3.559,6</b>  |
| 1  | Trái phiếu tăng vốn cấp 2    | 4.718,85         | 4.165,4         | 3.559,6         |
| 2  | Trái phiếu thường            | 0                | 0               | 0               |
|    | <b>Tổng giá trị</b>          | <b>13.018,85</b> | <b>17.165,4</b> | <b>17.559,6</b> |

Nguồn: BAC A BANK

Cho đến nay, BAC A BANK luôn thực hiện nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi trái phiếu đầy đủ, đúng hạn. Hiện tại, Ngân Hàng không có trái phiếu chuyển đổi.

## 2.7.2 Các cam kết chưa thực hiện khác

Các nghĩa vụ tiềm ẩn và cam kết đưa ra của BAC A BANK như sau:

**Bảng 43: Cam kết chưa thực hiện của BAC A BANK**

(cập nhật Bảng 34, trang 99 của Bản cáo bạch ngày 22/04/2024)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                    | Hợp nhất      |                |               | Riêng lẻ      |                |               |
|-----------------------------|---------------|----------------|---------------|---------------|----------------|---------------|
|                             | 31/12/2024    | 31/12/2025     | 31/03/2026    | 31/12/2024    | 31/12/2025     | 31/03/2026    |
| <b>Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn</b>  | <b>2.409</b>  | <b>4.763</b>   | <b>5.822</b>  | <b>2.409</b>  | <b>4.763</b>   | <b>5.822</b>  |
| Cam kết bảo lãnh vay vốn    | 1.188         | 1.726          | 2.218         | 1.188         | 1.726          | 2.218         |
| Cam kết trong nghiệp vụ L/C | 0             | 0              | 0             | 0             | 0              | 0             |
| Cam kết bảo lãnh khác       | 1.221         | 3.037          | 3.604         | 1.221         | 3.037          | 3.604         |
| <b>Các cam kết đưa ra</b>   | <b>97.503</b> | <b>178.559</b> | <b>83.318</b> | <b>97.503</b> | <b>178.559</b> | <b>83.318</b> |
| Cam kết giao dịch hối đoái  | 96.172        | 176.323        | 81.088        | 96.172        | 176.323        | 81.088        |
| Các cam kết khác            | 1.331         | 2.236          | 2.230         | 1.331         | 2.236          | 2.230         |
| <b>Tổng cộng</b>            | <b>99.912</b> | <b>183.322</b> | <b>89.140</b> | <b>99.912</b> | <b>183.322</b> | <b>89.140</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC Quý 1 năm 2026 (hợp nhất và riêng lẻ)

## 2.8 Thông tin về tình hình sử dụng vốn Đợt 1 - 3 đến thời điểm hiện tại:

Tổng giá trị trái phiếu BAC A BANK đã phát hành trong Đợt 1 là 2.000 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 31/07/2024, BAC A BANK đã sử dụng hết 2.000 tỷ đồng giá trị trái phiếu phát hành Đợt 1 để bổ sung vốn cho vay dành cho Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, phù hợp với mục đích phát hành đã được Hội đồng quản trị thông qua.

Tổng giá trị trái phiếu BAC A BANK đã phát hành trong Đợt 2 là 1.500 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 30/11/2024, BAC A BANK đã sử dụng hết 1.500 tỷ đồng giá trị trái phiếu phát hành Đợt 2 để bổ sung vốn cho vay dành cho Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, phù hợp với mục đích phát hành đã được Hội đồng quản trị thông qua.

Tổng giá trị trái phiếu BAC A BANK đã phát hành trong Đợt 3 là 1.500 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 23/10/2025, BAC A BANK đã sử dụng hết 1.500 tỷ đồng giá trị trái phiếu phát hành Đợt 3 để bổ sung vốn cho vay dành cho Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, phù hợp với mục đích phát hành đã được Hội đồng quản trị thông qua.

## 2.9 Kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với Tổ Chức Phát Hành

- Tên tổ chức xếp hạng tín nhiệm: Fitch Ratings.
- Thời điểm xếp hạng: 29/10/2025.
- Nguồn thông tin: Website của Fitch Ratings (<https://www.fitchratings.com>) và Website của BAC A BANK ([www.baca-bank.vn](http://www.baca-bank.vn)).
- Kết quả xếp hạng: **mức điểm 'B+' với Triển vọng "Ổn định"**.
- Fitch Ratings là một trong ba tổ chức xếp hạng tín nhiệm hàng đầu thế giới, cùng với Moody's và Standard & Poor's (S&P). Các đánh giá của Fitch Ratings được các nhà đầu tư quốc tế, định chế tài chính và tổ chức tín dụng sử dụng như cơ sở quan trọng trong việc đo lường mức độ rủi ro và uy tín tài chính của doanh nghiệp/ tổ chức.
- Việc được Fitch Ratings xếp hạng Tín nhiệm dài hạn Nhà phát hành (Long-Term Issuer Default Rating - IDR) ở mức "B+" là một cột mốc quan trọng đối với BAC A BANK, thể hiện sự công nhận về năng lực tài chính, khả năng quản trị rủi ro và tiềm năng phát triển bền vững của Ngân hàng. Bên cạnh đó, kết quả này tạo nền tảng tích cực để BAC A BANK mở rộng hợp tác quốc tế, đa dạng hóa nguồn vốn, gia tăng uy tín trên thị trường, củng cố niềm tin từ nhà đầu tư trong & ngoài nước.
- Theo công bố của FitchRatings:
  - Theo Báo cáo công bố, Fitch Ratings đồng thời đưa ra xếp hạng Năng lực Tự thân (Viability Rating - VR) của BAC A BANK ở mức "b", xếp hạng Hỗ trợ Chính phủ (Government Support Rating - GSR) ở mức "b+". Kết quả này phản ánh khả năng hoạt động độc lập, thích ứng linh hoạt và sức khỏe tài chính ổn định của Ngân hàng, giữa bối cảnh vĩ mô còn nhiều biến động, thách thức.
  - "Chất lượng tài sản của BAC A BANK tốt hơn mức trung bình của ngành, cùng với tỷ lệ cao các khoản vay có tài sản bảo đảm, đã góp phần giảm thiểu rủi ro tín dụng, hỗ trợ duy trì sự ổn định trong hoạt động" - Fitch Ratings nhận định.
  - Tính đến tháng 6/2025, tỷ lệ nợ xấu (NPL) của BAC A BANK đạt 1,2%, thuộc nhóm thấp nhất trong hệ thống ngân hàng Việt Nam. Theo đánh giá, con số tích cực này đến từ chính sách quản trị rủi ro thận trọng, kết hợp với khẩu vị rủi ro nhất quán của Ngân hàng, tập trung vào phân khúc khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp có mức độ rủi ro thấp, qua đó góp phần duy trì chất lượng tài sản ổn định và hiệu quả hoạt động bền vững.

- Báo cáo Xếp hạng tín nhiệm của Fitch Ratings cũng ghi nhận định hướng tín dụng đặc thù của BAC A BANK trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển bền vững, khi tỷ trọng cho vay trong lĩnh vực này chiếm khoảng 18% tổng dư nợ. Thực tế, các dự án được BAC A BANK lựa chọn đều là các dự án có áp dụng thành tựu khoa học quản trị, khoa học công nghệ hiện đại vào sản xuất theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức, tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, tạo sinh kế và giải quyết việc làm cho người dân địa phương.

### 3. THÔNG TIN VỀ VIỆC CHÀO BÁN ĐỢT 4:

Các nội dung được trình bày dưới đây là các thông tin, các điều khoản và điều kiện về trái phiếu theo phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của BAC A BANK. Với việc mua, nhận chuyển quyền sở hữu, hoặc bằng cách khác đối với trái phiếu và trở thành chủ sở hữu trái phiếu, người sở hữu trái phiếu được xem là đã hiểu và đồng ý với tất cả các nội dung, quy định và chịu sự ràng buộc của các quy định có liên quan tại Bản cáo bạch này và phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của BAC A BANK.

#### 3.1 Tên trái phiếu

- Tên trái phiếu: Trái Phiếu Ngân hàng TMCP Bắc Á phát hành ra công chúng lần 2  
Tên Trái phiếu cụ thể của Đợt 4 là: Trái Phiếu Ngân hàng TMCP Bắc Á phát hành ra công chúng lần 2 Đợt 4 ([y])  
*Trong đó: [y] là ký hiệu trái phiếu của đợt phát hành tương ứng*
- Sau đây được gọi chung là “Các Trái Phiếu”, và gọi riêng là “Trái Phiếu” có nghĩa là bất kỳ trái phiếu nào trong số Các Trái Phiếu.

#### 3.2 Loại trái phiếu

Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### Đặc điểm của Trái Phiếu

- Trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ và được thanh toán bằng Đồng Việt Nam.
- Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không được đảm bảo bằng Tài sản của Tổ Chức Phát Hành. Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành xảy ra các sự kiện phải thực hiện thanh lý tài sản, thanh toán các khoản nợ... theo quy định của pháp luật có liên quan, Người Sở Hữu Trái phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ chức Phát hành đã thanh toán các khoản nợ và/hoặc nghĩa vụ cho tất cả các chủ nợ khác, Các Trái phiếu phát hành cùng một Đợt Phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái phiếu nào.
- Tổ Chức Phát Hành được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả trong năm kinh doanh bị lỗ.

- Trong thời hạn lưu hành của Trái phiếu, Người Sở Hữu Trái phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.
- Tổ Chức Phát Hành chỉ được mua lại, trả nợ trước thời gian đáo hạn với điều kiện sau khi thực hiện việc mua lại, Tổ Chức Phát Hành vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định và báo cáo NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để giám sát.

### 3.3 Mệnh giá

Mệnh giá Trái phiếu: 100.000 VND (Một trăm nghìn đồng)/Trái Phiếu.

### 3.4 Tổng số lượng trái phiếu chào bán

- Số lượng Trái phiếu chào bán Đợt 4: 15.000.000 (Mười lăm triệu) Trái phiếu, trong đó:
  - ✓ Trái Phiếu BAB204-07L: 10.000.000 (Mười triệu) Trái Phiếu
  - ✓ Trái Phiếu BAB204-07C: 5.000.000 (Năm triệu) Trái Phiếu
- Ngày phát hành dự kiến: từ Quý 2/2026

### 3.5 Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá là 1.500.000.000.000 VND (Một nghìn năm trăm tỷ đồng)

### 3.6 Kỳ hạn trái phiếu

- Các Trái Phiếu BAB204-07L và BAB204-07C có kỳ hạn 07 (bảy) năm.

### 3.7 Lãi suất

#### 3.7.1 Lãi suất trái phiếu

- ✓ Trái Phiếu BAB204-07L: Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + Biên độ tối đa 3,0%/năm.
- ✓ Trái Phiếu BAB204-07C: Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + Biên độ tối đa 3,0%/năm.
- Biên lãi suất cụ thể được công bố trong Bản Thông báo chào bán Trái phiếu Ngân hàng TMCP Bắc Á phát hành ra công chúng lần 2 (Đợt 4).
- Trường hợp Tổ Chức Phát Hành không thực hiện quyền mua lại tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại tương ứng của mỗi trái phiếu, lãi suất trái phiếu áp dụng cho Kỳ Tính Lãi kể từ năm thứ 6 đến khi đáo hạn trái phiếu như sau:
  - ✓ Trái Phiếu BAB204-07L: Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + 3,0%/năm.
  - ✓ Trái Phiếu BAB204-07C: Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + 3,1%/năm.
- Trong đó, “**Lãi Suất Tham Chiếu**”: dùng để xác định lãi suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi, là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân thông thường bằng đồng Việt Nam, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của Ngân hàng TMCP Bắc Á tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Trong trường hợp có các lãi suất ưu đãi cho một hoặc một số đối tượng khách hàng cụ thể hoặc cho một hoặc một số mức tiền gửi cụ thể, Lãi Suất Tham Chiếu là mức lãi suất cao nhất được công bố.
- Tổ Chức Phát hành sẽ công bố trên trang thông tin điện tử (website) về kết quả xác định Lãi Suất cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu vào trước ngày đầu tiên của mỗi

Kỳ Tính Lãi ít nhất 01 (một) Ngày Làm Việc. Những Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý và cam kết rằng kết quả xác định Lãi Suất Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành sẽ được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu trừ khi có sai sót về số học một cách rõ ràng.

- Nếu pháp luật quy định cụ thể mức lãi suất Trái Phiếu tối đa và mức lãi suất Trái Phiếu thỏa thuận tại Bản cáo bạch này cao hơn mức lãi suất tối đa, thì mức lãi suất Trái Phiếu tối đa được phép theo quy định của pháp luật sẽ được áp dụng kể từ ngày quy định đó có hiệu lực.
- **Ngày Xác Định Lãi Suất** đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.

### 3.8 Kế hoạch sử dụng vốn

| Đợt phát hành | Mục đích sử dụng vốn  | Số tiền               | Tiến độ sử dụng vốn |
|---------------|---|-----------------------|---------------------|
| 4             | Bổ sung vốn cho vay dành cho Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức | 1.500.000.000.000 VND | Từ Quý 2/2026       |

### 3.9 Đăng ký trái phiếu tập trung và niêm yết trái phiếu

Trái phiếu do BAC A BANK chào bán ra công chúng sẽ được đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sau khi kết thúc đợt chào bán.

### 3.10 Giá chào bán

Giá chào bán: 100.000 VND (một trăm nghìn đồng)/Trái Phiếu.

### 3.11 Ngày thực hiện quyền mua lại đối với trái phiếu phát hành (Đợt 4)

- ✓ Đối với trái phiếu BAB204-07L: là ngày tròn 18 (mười tám) tháng kể từ Ngày Phát Hành.
- ✓ Đối với trái phiếu BAB204-07C: là ngày tròn 02 (hai) năm kể từ Ngày Phát Hành.

### 3.12 Phương thức phân phối

Việc phân phối trái phiếu Đợt 4 được phân phối trực tiếp thông qua Trụ sở chính và các PGD/CN của Tổ Chức Phát Hành, thực hiện một cách công bằng, công khai và bảo đảm thời hạn đăng ký mua trái phiếu cho Nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày.

### 3.13 Đăng ký mua trái phiếu

#### 3.13.1 Số lượng đăng ký mua tối thiểu

- Đối với Nhà đầu tư là cá nhân: Số lượng đặt mua tối thiểu 500 (năm trăm) Trái Phiếu, tương đương 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng theo mệnh giá Trái Phiếu hoặc bội số của 500 (năm trăm) Trái Phiếu.
- Đối với Nhà đầu tư là tổ chức kinh tế: Số lượng đặt mua tối thiểu 1.000 (một nghìn) Trái Phiếu, tương đương 100.000.000 (một trăm triệu) đồng theo mệnh giá Trái Phiếu hoặc bội số của 1.000 (một nghìn) Trái Phiếu.

#### 3.13.2 Thời hạn đăng ký mua

Việc đăng ký mua Trái Phiếu sẽ được thông báo sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng. Thời gian dự kiến để các Nhà đầu tư đăng ký và thanh toán tiền mua Trái Phiếu từng đợt phát hành tối thiểu là 20 (hai mươi ngày) và tối đa là 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin về mỗi Đợt chào bán. Thời hạn đăng ký mua Trái Phiếu cụ thể sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chính thức và nêu chi tiết tại Bản thông báo phát hành Trái Phiếu ra công chúng.

### 3.13.3 Phương thức đăng ký mua và thanh toán

- Trái Phiếu sẽ được phân bổ cho các Nhà đầu tư theo nguyên tắc công khai, công bằng.
- Nhà đầu tư sẽ đăng ký mua, thanh toán trực tiếp vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành tại Trụ sở chính và các Chi nhánh/ Phòng giao dịch của Tổ Chức Phát Hành
- Trường hợp tổng số lượng Trái phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép phát hành thì Tổ Chức Phát Hành phải phân phối số Trái Phiếu được phép phát hành cho Nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng Nhà đầu tư. Số lượng Trái Phiếu phân bổ cho các Nhà đầu tư theo tỷ lệ đăng ký mua sẽ được làm tròn xuống số nguyên gần nhất (nếu không phải là số nguyên), đồng thời tổng số lượng Trái Phiếu phân bổ cho tất cả các Nhà đầu tư không vượt quá tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán.
- Xử lý phần lẻ Trái Phiếu: Trường hợp đối với số lượng Trái phiếu còn dư phát sinh sau khi làm tròn xuống theo nguyên tắc trên (nếu có), Tổ Chức Phát Hành có toàn quyền phân bổ cho một hoặc một số Nhà đầu tư nhất định một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu còn lại đó.
- Để tránh hiểu nhầm, việc đăng ký mua Trái phiếu chỉ được coi là hoàn thành khi Nhà đầu tư đã đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái phiếu vào Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành.

### 3.13.4 Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng Trái Phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu hoặc nộp thừa tiền mua Trái Phiếu

- Hình thức thực hiện: Chuyển trả các khoản tiền vào tài khoản của Nhà đầu tư theo thông tin đã đăng ký, hoặc chuyển trả bằng tiền mặt tại địa điểm mà Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua (trường hợp Nhà đầu tư không có tài khoản ngân hàng).
- Thời gian thực hiện: Trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu được giải tỏa (Tài khoản phong tỏa chỉ được giải tỏa sau khi kết thúc đợt chào bán và UBCKNN ban hành văn bản thông báo nhận được báo cáo kết quả chào bán).

### 3.14 Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu

Ngày phát hành dự kiến (Đợt 4): từ Quý 2/2026

| STT | Nội Dung  | Thời Gian Dự Kiến |
|-----|---|-------------------|
| 1   | Tổ Chức Phát Hành nhận văn bản của UBCKNN về tài liệu Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng Đợt 4 | T                 |
| 2   | Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin về việc chào bán Trái Phiếu Đợt 4                         | T đến T+3         |
| 3   | Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu và Nhà                                       | T+3 đến T+23      |

| STT | Nội Dung   | Thời Gian Dự Kiến  |
|-----|--|--|
|     | đầu tư đăng ký, nộp tiền mua Trái Phiếu Đợt 4  |  |
| 3.1 | Thời hạn bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu và Nhà đầu tư đăng ký, nộp tiền mua Trái Phiếu dự kiến              | T+3  |
| 3.2 | Thời hạn cuối cùng nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu và Nhà đầu tư đăng ký, nộp tiền mua Trái Phiếu dự kiến            | T+23   |
| 4   | Ngày Phát Hành Đợt 4 (Ngày kết thúc đợt chào bán)  | T+23   |
| 5   | Tổ Chức Phát Hành thực hiện báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN và thực hiện công bố thông tin về kết quả phát hành | Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán   |
| 6   | UBCKNN ban hành văn bản về tài liệu báo cáo kết quả đợt chào bán   | Trong vòng 03 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày UBCKNN nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán đầy đủ và hợp lệ |
| 7   | Cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái phiếu cho Nhà đầu tư   | Trong vòng 30 (ba mươi) Ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán  |

### 3.15 Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu

- Số tài khoản: 1243503315
- Chủ tài khoản: Ngân hàng TMCP Bắc Á
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm

### 3.16 Thông tin về các cam kết

#### 3.16.1 Thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với Nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư

- Phát hành Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư phù hợp với các quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và Văn Kiện Trái Phiếu;
- Đáp ứng đầy đủ các điều kiện phát hành Trái Phiếu quy định tại các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan tại Ngày Phát Hành;
- Tính toán tiền Lãi và/hoặc Gốc phải trả cho mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu vào Ngày Thanh Toán Lãi và Ngày Hoàn Trả Cuối Cùng;
- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số tiền Gốc, Lãi và các khoản thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu khi Người Sở Hữu Trái Phiếu có nhu cầu thanh toán, chuyển nhượng, sử dụng làm tài sản đảm bảo hoặc chiết khấu Trái Phiếu;

- Đối với các Trái Phiếu chưa thực hiện lưu ký, nếu Giấy Chứng Nhận Sở Hữu Trái Phiếu thất lạc, mất cắp, rách nát, hư hại hoặc bị phá hủy thì Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan được Tổ Chức Phát Hành cấp lại Giấy Chứng Nhận Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu;
- Giữ bí mật thông tin về số dư Trái Phiếu và các giao dịch về Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với quy định của pháp luật;
- Báo cáo NHNN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về giao dịch phát hành Trái Phiếu theo quy định của pháp luật;
- Tuân thủ quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong quá trình phát hành Trái Phiếu và khi thực hiện các giao dịch liên quan đến việc phát hành Trái Phiếu. Nghĩa vụ này không áp dụng cho các giao dịch liên quan đến Trái Phiếu giao dịch trên thị trường thứ cấp;
- Sử dụng nguồn vốn huy động được từ việc phát hành Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và quy định của pháp luật;
- Các nghĩa vụ khác theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, Văn Kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật.

### **3.16.2 Cam kết nghĩa vụ thực hiện niêm yết trái phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán**

- Sau khi kết thúc đợt phát hành, Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện niêm yết Các Trái phiếu, hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc các đợt chào bán trái phiếu ra công chúng.
- Tổ Chức Phát Hành sẽ duy trì việc niêm yết trái phiếu chừng nào còn bất kỳ Trái Phiếu đang lưu hành trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á

**BAC A BANK**



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN THỊ THOẢNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

THÁI HƯƠNG

PHÓ TGĐ KIỂM GIÁM ĐỐC KHỎI  
NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TIỀN TỆ

CHU NGUYỄN BÌNH

PHÓ TGĐ KIỂM GIÁM ĐỐC KHỎI  
TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

LÊ NGỌC HỒNG NHẬT

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

# ACBS

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
**NGUYỄN ĐỨC HOÀN**

528-G.I.T.C.P.  
G AI  
AN

))